BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 9 năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN, ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc	Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình	Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Sỹ	Đức	TS, Trưởng khoa GDTC-QP	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Ngọc	Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn K.GDTC-QP	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Quang	Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên	
6	Ông Lê Xuân	Vinh	TS, Trưởng phòng ĐTĐH	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Hữu	Tiến	ThS, Trưởng phòng KT&BĐCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Thanh	Hùng	TS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Thành viên	
9	Ông Mai Thế	Anh	ThS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Thành viên	
10	Ông Lê Minh	Tú	ThS, CT Công đoàn K.GDTC-QP	Thành viên	
11	Ông Trương Quốc	Duy	ThS, Bí thư Đoàn TN K.GDTC-QP	Thành viên	
12	Ông Bùi Văn	Kiên	ThS, Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên	
13	Ông Lê Hữu	Đang	Sinh viên K GDTC-QP, K40	Thành viên	

(danh sách gồm có 13 người)

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT 1

1. Đặt vấn đề 1

Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ***1***

Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo ***2***

2. Tổng quan chung 5

Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn ***5***

Giới thiệu về Khoa GDTC- QP ***9***

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 13

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 13

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học ***13***

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. ***16***

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .. ***19***

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo 22

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật ***22***

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật ***25***

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận ***28***

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 31

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra ***32***

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng ***35***

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp ***37***

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 41

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan *41*
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra *43*
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học *46*
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học 49
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra *49*
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học *52*
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng *55*
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập *57*
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập *60*
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 62
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. *63*
Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng *66*
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai *68*
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá *69*

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó *71*
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng *73*
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng *75*
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên 77
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng *78*
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai *80*
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá ... *81*
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó *82*
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng *84*
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học 86
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật *87*
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá *89*
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học *91*
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học *94*

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học..... 97
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị..... 100
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu..... 101
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 103
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu..... 105
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 106
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật..... 108
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng..... 111
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học 111
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến..... 113
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra 115
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học..... 118
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến..... 122
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến 124
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra..... 127
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 127

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng..... 130
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng..... 133
Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng..... 134
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 136

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
GDĐH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	Giáo dục thể chất
GDTC-QP	Giáo dục thể chất – Quốc phòng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
SĐH	Sau đại học
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học Phổ thông
TSKH	Tiến sĩ khoa học

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của trường Đại học. Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng thì việc thẩm định, đánh giá chất lượng CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết.

Trong nhiều năm qua, khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng (GDTC – QP), Trường Đại học Quy Nhơn thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Giáo dục thể chất (GDTC). Do đó, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành GDTC theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo các công văn hướng dẫn số 1074, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chúng tôi coi đây là cơ hội tốt để tự xem xét, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành Giáo dục thể chất để thấy rõ thực trạng chất lượng, hiệu quả của CTĐT; từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1074, 1075 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo

Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường, đơn vị. Đây là quá trình để Khoa GDTC - QP dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành GDTC, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời đăng ký đánh giá ngoài để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định của Nhà trường, của đơn vị. Đồng thời để Khoa tiếp tục xây dựng và phát triển, trở thành một trong những đơn vị có vị thế đứng đầu khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên GDTC ở THPT và NCKH, từng bước vươn tới tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Nội dung tự đánh giá

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành GDTC được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về

kết quả học tập của người học; tiểu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành GDTC.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC của Khoa GDTC - QP được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDTC, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành GDTC; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 1 do TS. Nguyễn Thanh Hùng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2; 3

+ Nhóm 2 do TS. Nguyễn Sỹ Đức làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6,7;11

+ Nhóm 3 do TS. Mai Thế Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5,8;9

+ Nhóm 4 do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 4,10

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;

- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa GDTC-QP đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành GDTC và tổ chức họp viên chức toàn khoa để phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện các mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, dữ liệu từ sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng…* Quá trình tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành GDTC, nhất là viết báo cáo tự đánh giá đều có sự thống nhất và tham gia của tất cả các thành viên trong Khoa; đồng thời huy động một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

Phạm vi tự đánh giá: giai đoạn 2015-2020.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

2. Tổng quan chung

Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn, tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, "có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học".

Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường Đại học Quy Nhơn, "có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội".

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Quy Nhơn đã từng bước lớn mạnh không ngừng; quy mô và lĩnh vực đào tạo ngày càng mở rộng và ổn định; trình độ, chất lượng đào tạo ngày càng đảm bảo và nâng cao; đội ngũ giảng viên, viên chức không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng, đi vào chiều sâu…

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên THPT; đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

**** Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn***

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: "Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội."

Tầm nhìn: "Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế."

Giá trị cốt lõi: "Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn."

**** Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn***

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung

"***Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp"***

và với ý nghĩa như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

**** Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên, viên chức của Trường***

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;

- Phòng chức năng, trung tâm, trạm;

- Khoa, bộ môn;

- Các trung tâm dịch vụ đào tạo, các viện NCKH và công nghệ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường hiện có đảm bảo về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 12/2019, Nhà trường có 16 khoa, 12 phòng, 02 viện, 06 trung tâm và 01 trạm y tế với 771 viên chức trong đó có 545 GV cơ hữu, 01 GS, 32 PGS, 141 TSKH/TS, 359 ThS, 12 đại học và hơn 140 GV đang làm NCS trong nước và nước ngoài; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm hơn 32%, vượt chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường giai đoạn 2010-2020.

**** Quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, gồm các ngành sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, trong đó ngành sư phạm là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô 13.000 sinh viên; đào tạo 21 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô 1.000 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng. Số đề tài hiện đang triển khai thực hiện gồm: 02 đề tài cấp Nhà nước; 30 đề tài Nafosted; 22 đề tài cấp Bộ; 09 đề tài cấp Tỉnh và 243 đề tài cấp Trường. Chỉ tính 05 năm trở lại đây có đến 210 bài báo được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI; 371 bài báo quốc tế và 1120 bài báo trong nước. Đặc biệt, PGS.TS. Nguyễn Sum (Khoa Toán) của Trường được nhận giải thưởng Tạ Quang Bửu và được Tạp chí Asian Scientist vinh danh là một trong 2 nhà khoa học của Việt Nam xếp trong danh sách 100 nhà khoa học hàng đầu của Châu Á năm 2018. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế,

thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển hợp tác quốc tế theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan..., đem lại cho các giảng viên, nhà khoa học trẻ của Trường nhiều cơ hội để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới.

**** Cơ sở vật chất, trang thiết bị***

Diện tích đất hiện tại của Nhà trường là 240.112m^2, trong đó 130.610m^2 ở tại địa chỉ 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và 109.502m^2 ở Khu thực nghiệm Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trường có hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các phòng, ban, khoa, bộ môn. Trung tâm Thông tin tư liệu của Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí, có hệ thống phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên và người học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với gần 1.800m^2 diện tích sàn tập, được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS,…; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

**** Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục***

Từ năm 2007, theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên. Năm 2016, Nhà trường tiếp trục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng).

Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường đảm bảo và nâng cao chất lượng các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành GDTC.

Giới thiệu về Khoa GDTC- QP

* ***Quá trình hình thành và phát triển***

Năm 1977, hai năm sau ngày thống nhất đất nước, cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập (theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng giáo viên THPT cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ Thể dục tiền thân của Khoa GDTC-QP hiện nay được thành lập năm 1977 và thuộc Khoa Toán, một trong 5 khoa đầu tiên của Trường lúc bấy giờ. Tổ Thể dục giảng dạy cho sinh viên (SV) những kiến thức về GDTC.

Ngày 25 tháng 7 năm 2005, trường Đại học Quy Nhơn ra quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB thành lập Khoa Thể dục Thể thao thuộc trường Đại học Quy Nhơn trên cơ sở sát nhập hai Bộ môn: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Đây là dấu mốc quan trọng cho quá trình phát triển của ngành Giáo dục thể chất, Giáo dục thể chất – Quốc phòng. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, theo quyết định số 86/QĐ- Đại học Quy Nhơn đổi tên Khoa Thể dục Thể thao thành Khoa GDTC – QP trường Đại học Quy Nhơn.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Nhà trường, Khoa GDTC-QP ngày càng trưởng thành, vững mạnh và là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài; là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành GDTC có uy tín khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước; là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

****Sứ mệnh và tầm nhìn***

Để phát triển theo định hướng nêu trên, Khoa GDTC đã lập kế hoạch chiến lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

- **Sứ mệnh**: Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín, chất lượng trong lĩnh vực giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; là đơn vị tổ chức giảng dạy và tham mưu xây dựng chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác, phối hợp với các tổ chức và cá nhân trong các hoạt động nghiên

cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực giáo dục thể chất và thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng và an ninh.

- **Tầm nhìn**: Đến năm 2030, Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng trở thành một khoa có vị thế trong cả nước về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học trong công tác đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân và thạc sĩ, cung cấp nguồn nhân lực cho khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và trên cả nước.

**** Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên***

- Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể:

+ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa

+ Hội đồng khoa

+ Bộ môn

Khoa GDTC- QP hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 06 thành viên; 02 Bộ môn gồm: Phương pháp dạy học, Thể chất – Quốc phòng. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên và Liên chi hội Sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 24 người; trong đó có 17 giảng viên với 01 PGS, 04 TS, 12 ThS trong đó có 02 NCS (đang học trong nước). Đặc biệt, số giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 29,4% trên tổng số giảng viên cơ hữu, số TS chủ yếu được đào tạo ở trong nước. Hầu hết giảng viên của Khoa được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. Ngoài ra, Khoa còn có mối quan hệ thường xuyên với các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

**** Quy mô và chương trình đào tạo***

Trong hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 4.500 cử nhân Sư phạm TDTT và cử nhân GDTC, hơn 3.000 cử nhân GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 121 sinh viên GDTC hệ đại học chính quy, 179 học viên GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Chuyên ngành và trình độ đào tạo hiện nay Khoa đang đảm nhiệm là trình độ Đại học chính quy và liên thông ngành GDTC. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện các nhiệm vụ bồi dưỡng thương xuyên cho giáo viên (GV) các trường phổ thông các cơ sở giáo dục,

nghiên cứu khoa học về lĩnh vực GDTC nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

CTĐT ngành GDTC có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức cơ bản về GDTC, có trình độ chuyên sâu về sư phạm nói chung và phương pháp giảng dạy GDTC ở trường THPT nói riêng. Chương trình trang bị cho người học khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ về GDTC làm nền tảng cho việc truyền đạt kiến thức ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

CTĐT ngành GDTC được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành và chuyên sâu của GDTC và khoa học giáo dục. CTĐT ngành GDTC có tham khảo từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Khoa GDTC), Trường Đại học Sư phạm TDTT TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và một số trường đại học uy tín ở Trung Quốc, Nga; đồng thời định kỳ 2 năm một lần được rà soát, điều chỉnh, cập nhật, đổi mới thông qua thực tế đào tạo và các thay đổi về chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT.

**** Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Khoa GDTC – QP có nhiều nhiều cá nhân tham gia nghiên cứu về TDTT, GDTC để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, ứng dụng thực tiễn. Với kết quả thành công trong nghiên cứu, 01 giảng viên của Khoa đã được công nhận trí thức tiêu biểu về khoa học công nghệ tỉnh Bình Định (năm 2018). Về công bố khoa học, từ năm 2014 đến nay, giảng viên của Khoa đã đăng tải 33 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước.

Bên cạnh đó, Khoa đã đăng cai tổ chức thành công Hội thi Nghiệp vụ - Văn hóa – Thể thao toàn quốc 2005, Giải Bóng bàn người giáo viên nhân dân năm 2016... Trong các kỳ thi Đại hội TDTT, các giải Thể thao tỉnh Bình Định và toàn quốc, đội tuyển TDTT sinh viên khoa GDTC đã đạt được nhiều thành tích như Nhì toàn đoàn Đại hội TDTT tỉnh Bình Định lần thứ 5 (2006); Giải nhì Bóng chuyền sinh viên toàn quốc năm 2006; Giải ba toàn đoàn Điền kinh-Quốc phòng tại Huế năm 2009; Giải nhất bóng đá, bóng chuyền khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Giải nhất Bóng đá đại hội TDTT tỉnh Bình định năm 2005. Đặc biệt, tại các kỳ SEA GAME sinh viên của Khoa tham gia thi đấu đạt thành

tích cao như: Lê Minh Tùng giành huy chương bạc hạng cân 51 kg tại SEA Games 23 năm 2005, tại SEA Games 30 năm 2019, sinh viên Phạm Thị Hồng Lệ của Khoa GDTC-QP giành huy chương đồng ở nội dung marathon- 42 km, huy chương bạc cự ly 10.000m.

Với những thành tích đã đạt được, tập thể Khoa GDTC-QP và giảng viên trong Khoa đã được tặng bằng khen, giấy khen từ các cấp, tổ chức, ban ngành khác từ trung ương đến địa phương.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Khoa Giáo dục thể chất–Quốc phòng (GDTC-QP) là một trong 12 khoa đào tạo của Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) và là một trong những cơ sở đào tạo giáo viên hàng đầu về ngành GDTC tại Khu vực Nam Trung Bộ- Tây Nguyên. CTĐT ngành GDTC được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Trước khi xây dựng CTĐT, Khoa đưa ra mục tiêu và CĐR của CTĐT vì đây là hai nội dung cốt lõi nhất của toàn bộ CTĐT.Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR là cách tiếp cận hướng đến người học, nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan.

CTĐT của Khoa đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa xây dựng CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên ngành GDTC cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, CĐR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong cả nước, các ý kiến đóng góp của các Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), các trường Trung học phổ thông và các giáo viên, giảng viên GDTC. Sau mỗi năm học, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. CĐR được công bố công khai cho người học, giảng viên và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, đầy đủ, được thảo luận cụ

thể qua các cuộc họp của Bộ môn, Hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu của CTĐT ngành GDTC là phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong trường học; **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.02]**, **[H1.01.01.03]**. Mục tiêu cụ thể nhằm đạt được giá trị cốt lõi sau đây: Về kiến thức trang bị những kiến thức đại cương về khoa học chính trị và pháp luật, về khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cũng như kiến thức cơ bản và nền tảng của lĩnh vực Giáo dục thể chất, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn học GDTC và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường và có thể tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ; về kỹ năng có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động TDTT của nhà trường. Có kỹ năng triển khai và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất, sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường THPT, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học hoặc làm việc tại các cơ quan ngành thể dục thể thao (TDTT); về năng lực, có năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những kết luận và chịu trách nhiệm về chuyên môn, có năng lực tự học và tự nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, cán bộ TDTT **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.01.05]**.

Các mục tiêu của CTĐT ngành GDTC hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục 2015, 2019 về đào tạo con người và mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) được quy định tại điều 2, 3, 4 Luật Giáo dục 2019 *"Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế"* **[H1.01.01.06]**. Mục tiêu này cũng phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của trường ĐHQN **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]** **[H1.01.01.11]**, **[H1.01.01.12]**, **[H1.01.01.13]**, **[H1.01.01.14]**. Mục tiêu của CTĐT cũng được các Bộ môn, Hội đồng Khoa GDTC-QP họp, góp ý và thông qua **[H1.01.01.15]**.

Các mục tiêu trên đây hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, đó là *"đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội"* và phấn đấu *"Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế"* **[H1.01.01.16]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC là phản ánh được nhu cầu của các Sở GD&ĐT, các trường THPT, cụ thể là đào tạo giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục Việt Nam **[H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.01.11]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đó là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có kiến thức, có kỹ năng nghề nghiệp; Mục tiêu của CTĐT còn được cụ thể hoá ở 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR CTĐT có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành GDTC phù hợp với thực tế đổi mới chương trình môn học GDTC trong các trường phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành GDTC chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2019 - 2020, Khoa đã thành lập Hội cựu sinh viên ngành GDTC và tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các Sở GD&ĐT về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2019, nhằm phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo

dục phổ thông mới mà Bộ GD&ĐT vừa ban hành.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT ngành GDTC, Khoa GDTC-QP đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn của Trường ĐHQN. Nội dung CĐR của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, thể hiện trong bản Mô tả chương trình. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật chỉnh sửa theo quy định và được công khai thông qua các văn bản, quyết định cũng như trên website của Trường, của Khoa và các kênh thông tin dựa trên văn bản quyết định tổ chức đánh giá, sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT của Nhà trường **[H1.01.02.01]**. Các CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, vì vậy giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy; CĐR được cập nhật thường xuyên theo quy định cho phù hợp với các yêu cầu thực tế **[H1.01.02.02]**. CĐR này được nhóm chuyên gia biên soạn, thảo luận, đóng góp ý kiến; sau đó tiến hành họp lấy ý kiến của các GV trong bộ môn, của Hội đồng Khoa GDTC-QP, lấy ý kiến của các bên liên quan và được chính thức ban hành và công bố công khai với xã hội **[H1.01.02.03]**, **[H1.01.02.04]**, **[H1.01.02.05]**, **[H1.01.02.06]**, **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.02.08]**.

CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp:

- *Về kiến thức và lập luận ngành:* CTĐT ngành GDTC hướng đến trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp, ngoại ngữ, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.

Những kiến thức Cơ sở ngành về sinh lý TDTT, Y học TDTT, Vệ sinh học TDTT, đo lường TDTT, quản lý TDTT, Lịch sử TDTT, Sinh cơ TDTT, Phương pháp NCKH chuyên ngành; những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành GDTC và của từng chuyên ngành chuyên sâu về PPDH các môn

học ở trường THPT, gồm Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Võ thuật, Điền kinh, Thể dục, hoạt động phong trào TDTT,… giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

- Về kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp:

CĐR ngành GDTC xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch; tổ chức các hoạt động nội, ngoại khóa TDTT. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá xử lý các tình huống trong giảng dạy và tổ chức hoạt động cá nhân và nhóm theo lĩnh vực TDTT.

CĐR ngành GDTC cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi học sinh.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao. Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học của các vấn đề của mình. Có trách nhiệm cao với công việc được giao và có đủ năng lực để hoàn thành công việc.

Các nội dung của CĐR đã được thể hiện đầy đủ thông qua 3 chủ đề trên. Bên cạnh đó đối với các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học, căn cứ vào qui định Nhà trường cũng có quy định cụ thể về CĐR đối với hai kỹ năng này dành cho sinh viên từng ngành, từng khoá cụ thể **[H1.01.02.09]**, **[H1.01.02.10]**. Các nội dung của CĐR ngành GDTC đảm bảo các năng lực GDTC, năng lực sư phạm mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông **[H1.01.02.11]**. Sinh viên tốt

nghiệp ngành GDTC có thể giảng dạy ở các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học và các cơ quan ngành TDTT trên cả nước.

CĐR của CTĐT hoàn toàn được đo lường và đánh giá được thông qua 03 mức đánh giá năng lực của mỗi chủ đề của CĐR, bao gồm: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao. Bên cạnh đó Khoa cũng xây dựng các Ma trận trong CTĐT, trong đó thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần đến CĐR của CTĐT. Hơn nữa, đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có CĐR và phù hợp với Ma trận của CĐR của CTĐT **[H1.01.02.12], [H1.01.02.13]**.

CTĐT ngành GDTC được quảng bá, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi tuyển sinh của Khoa,Trường; qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa **[H1.01.02.14]**, **[H1.01.02.15]**.

Với việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR dựa trên việc tham khảo từ các nguồn thông tin, ý kiến đóng góp nhiều chiều, Khoa đã hệ thống lại được khung CTĐT và đưa ra được bộ CĐR phù hợp, hoàn thiện. Qua đó, GV, người học và Sở GD&ĐT dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học ngành GDTC.

2. Điểm mạnh

CĐR ngành GDTC ngành GDTC được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực SV tốt nghiệp cần đạt được.

CĐR bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp với các mức năng lực cụ thể, dễ đo lường và đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Đây là lần đầu Khoa thực hiện công tác xây dựng CTĐT ngành GDTC theo hướng tiếp cận hiện đại nên Khoa chưa xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp để kiểm tra phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP kết hợp với Phòng Khảo thí và BĐCL xây dựng bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp để kiểm tra phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Khoa GDTC-QP sẽ đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

Đồng thời, CĐR của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật từng học phần và sẽ cùng Hội đồng Khoa đánh giá, rà soát, đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Trường đã ban hành kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT và cử cán bộ tham gia tập huấn "Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR" **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.03.02]**. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong CTĐT ngành GDTC hiện hành và bản mô tả đề cương chi tiết học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**. CĐR được đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDTC, nội dung của CĐR đã được gửi đi để lấy ý kiến của các bên liên quan, bao gồm các Sở GD&ĐT, các trường THPT, các cựu sinh viên và các giảng viên Khoa GDTC-QP về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT **[H1.01.03.05]**,**[H1.01.03.06]**, **[H1.01.03.07].**

Xây dựng CĐR đúng quy trình, rõ ràng bao gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV theo kế hoạch, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa GDTC-QP xây dựng CĐR của ngành GDTC mà Khoa quản lý; Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Bộ môn, các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành; Hội đồng Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học - đào tạo Trường; CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của trường, của khoa, sổ tay sinh viên (SV), ... giúp GV, người học và các bên liên quan dễ dàng nắm được CĐR của ngành GDTC **[H1.01.03.02], [H1.01.03.08]**, **[H1.01.03.09]**, **[H1.01.03.10], [H1.01.03.011]**, **[H1.01.03.12]**.

Đáp ứng năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; cùng với ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà người học cần đạt được

[H1.01.03.13].

Phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc lấy ý kiến đóng góp của GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học **[H1.01.03.14]**.

Mục tiêu CTĐT ngành GDTC đã được thường xuyên tiến hành, rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định. CTĐT theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2010 được điều chỉnh lần thứ nhất vào năm 2015 và CTĐT hiện hành được điều chỉnh theo phương pháp tiếp cận CDIO là chương trình được cập nhật gần nhất, theo các quyết định cập nhật, điều chỉnh rà soát của Nhà trường **[H1.01.03.15], [H1.01.03.16]**. Trước khi xây dựng CTĐT ngành GDTC năm 2020, Khoa cũng đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho CTĐT **[H1.01.03.17]**. Năm 2015, CTĐT được công bố với đầy đủ CĐR ngành GDTC với đầy đủ bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần **[H1.01.03.18]**. Các kết quả rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa được thể hiện qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học **[H1.01.03.19]**.

CĐR của ngành GDTC được công bố công khai trên website của Khoa, niên giám CTĐT, sổ tay quảng bá tuyển sinh, sổ tay SV để các bên liên quan được biết **[H1.01.03.20]**, **[H1.01.03.21]**. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa GDTC-QP, Trường ĐHQN và được thực hiện 2 năm 1 lần **[H1.01.03.22], [H1.01.03.23]**.

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ theo tiếp cận CDIO, có tham khảo các chương trình tiên tiến của các trường đại học TDTT trên cả nước, chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

- CĐR được định kì rà soát, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN, sự tham khảo các CTĐT ngành GDTC các trường uy tín trong nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

- CĐR của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá, gặp mặt tân sinh viên Khoa GDTC-QP, các buổi sinh hoạt lớp, qua website của Khoa và Trường.

3. Điểm tồn tại

- Khoa GDTC-QP chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR dành cho sinh viên sau mỗi năm học/khoá học.

- Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu người học được thực hiện nhưng chưa rộng rãi đến các địa bàn của khu vực miền Trung - Tây nguyên.

- Chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo chuyên đề thảo luận và góp ý về việc xây dựng CĐR trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức một hội thảo với đại biểu mời là đại diện lãnh đạo các sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường THPT, tổ trưởng tổ thể dục các trường THPT và các cựu sinh viên để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CĐR của CTĐT ngành GDTC, nhất là trong bối cảnh Chương trình giáo dục phổ thông mới (trong đó có chương trình môn GDTC) Bộ GD&ĐT chính thức ban hành triển khai thực hiện năm học 2020-2021. Trên cơ sở đó Khoa GDTC-QP sẽ điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành GDTC được cập nhật, hoàn thiện hơn nữa.

Khoa sẽ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động về CĐR trên hệ thống website khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 4/7*

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CĐR của một ngành học trong một trường đại học là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội. CĐR của ngành GDTC là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo (CLĐT) của ngành, đồng thời cũng là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Với tầm quan trọng của CĐR đối với CTĐT, Khoa GDTC – QP cùng với Nhà trường đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CĐR của các trường đại học có uy tín trong nước cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các tổ chức sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là hai nội dung quan trọng không những đối với người học, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng và sử dụng người học sau khi tốt nghiệp. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của cơ sở đào tạo trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và với mục tiêu của GDĐH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa

thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

Mặc dù CĐR được công bố công khai, tuy nhiên việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Sắp tới, Khoa sẽ đa dạng hơn các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, trong 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 Khoa GDTC-QP đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC được thực hiện theo Kế hoạch của Nhà trường và xây dựng từ năm 2010, điều chỉnh năm 2013, 2015, 2017 và năm 2020, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng, chính thống được công bố công khai, dễ tiếp cận giúp người học, nhà tuyển dụng và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Vào tháng 05 năm 2010, Trường đã ban hành kế hoạch và lộ trình xây dựng CTĐT trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm thay thế CTĐT theo hệ niên chế **[H2.02.01.01]**. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Khoa đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành GDTC và được Trường ban hành vào tháng 09 năm 2010 cùng với các quy định thực hiện **[H2.02.01.02]**, **[H2.02.01.03]**. Tuy nhiên, trong bản mô tả CTĐT ngành GDTC năm 2010 chỉ mới nêu được tóm tắt mục tiêu đào tạo, cấu trúc khóa học mà chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được mục tiêu của chương trình cũng như chưa có bản mô tả đề cương chi tiết các học phần, chưa có ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs), Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập. Năm 2013 CTĐT ngành GDTC được tiến hành cập nhật, rà soát điều chỉnh một phần theo kế hoạch của Trường **[H2.02.01.03]**.

Theo kế hoạch cập nhật, rà soát điều chỉnh CTĐT, Trường ban hành kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo hệ chính qui năm 2015, 2017 và tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật chương trình đào tạo đại học hệ chính qui năm 2018, 2019 dựa trên các quy chế đào tạo mới được cập nhật **[H2.02.01.04]**. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT được xây dựng bài bản hơn, gồm các bước: Các bộ môn họp xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR và khung CTĐT dựa trên thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Hội đồng Khoa họp góp ý và thông qua khung đào tạo đại học và CĐR của CTĐT; Khoa hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần của CTĐT; Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CTĐT và Trường ban hành CTĐT và đề cương chi tiết các học phần **[H2.02.01.05]**. CTĐT ngành GDTC đã nêu rõ tên cơ sở đào tạo; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; loại hình và hình thức đào tạo; mục tiêu đào tạo; CĐR (bao gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ, tin học); ma trận kỹ năng; cấu trúc khóa học; mô tả vắn tắt nội dung và số tín chỉ các học phần; đội ngũ và cơ sở vật chất thực hiện chương trình; giáo trình, bài giảng và các hướng dẫn thực hiện chương trình.

Năm 2018, Trường ban hành kế hoạch đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT theo định kỳ; và song song với đó, Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO. Đến năm 2019 trường ban hành kế hoạch sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo hệ chính qui của trường bổ sung 09 ngành **[H2.02.01.06]**. Quy trình tổ chức xây dựng CĐR, CTĐT ngành GDTC lần này hoàn thiện hơn năm 2015, 2017 bao gồm các bước như sau: Các bộ môn họp để xây dựng CĐR, CTĐT cho ngành GDTC;

Hội đồng Khoa thông qua CĐR và CTĐT; Các bộ môn họp bàn luận thống nhất CĐR và CTĐT dựa trên ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu người học; Hội đồng Khoa họp góp ý CTĐT sau chỉnh sửa, bổ sung; Trường ban hành quyết định đã được thẩm định CTĐT ngành GDTC **[H2.02.01.07]**. Song song với đó, các GV trong Bộ môn đã tiến hành viết đề cương chi tiết các học phần và đã được Bộ môn cũng như Hội đồng thẩm định cấp Khoa họp đánh giá, góp ý cho hoàn thiện hơn **[H2.02.01.08]**. CTĐT ngành GDTC cùng với đề cương các học phần tương ứng được Trường ban hành vào tháng 8/2020 **[H2.02.01.09].**

So với CTĐT năm 2015, CTĐT năm 2020 có một sự thay đổi đáng kể: giảm số đầu môn và một số học phần tín chỉ đối với **c**ác học phần khối kiến thức giáo dục đại cương Nhà trường qui định, tăng số đầu môn và tín chỉ cho các học phần liên quan đến kỹ năng phương pháp giảng dạy kỹ thuật và nghiệp vụ sư phạm; một số học phần được chuyển từ hình thức không bắt buộc sang bắt buộc và chuyên đề tự chọn; bổ sung mới chuyên đề tự chọn phù hợp làm tinh gọn, với 05 chuyên ngành tự chọn cho một trong các lĩnh vực phương pháp giảng dạy chuyên ngành. Cụ thể hơn, có 02 học phần cũ được thay thế bởi 04 học phần mới**[H2.02.01.10]**. CTĐT ngành GDTC được Khoa GDTC-QP biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng trường, Khoa và Quyết định của Trường ĐHQN **[H2.02.01.11]**, **[H2.02.01.12]**, **[H2.02.01.13].**

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, từ đó người học có thể lựa chọn phương thức và các học phần tương ứng phù hợp với công việc của mình sau khi tốt nghiệp. Các thông tin về CĐR, CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử **[H2.02.01.14], [H2.02.01.15].**

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Khung CTĐT có nhiều môn chuyên ngành tự chọn, giúp cho sinh viên có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình, giúp các em phát huy năng lực và đam mê học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Qua bản mô tả CTĐT ngành GDTC, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT hiện hành đã được cải tiến nhiều hơn so với các bản mô tả trước và đã mô tả hầu hết được các yêu cầu của một bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT vì đây là lần đầu tiên CTĐT được xây dựng theo hướng hiện đại hóa. Việc cập nhật, rà soát CTĐT được tổ chức nhưng không thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp định kỳ của GV và SV. Đồng thời, Khoa cùng với Phòng đào tạo đại học sẽ xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT để có thể mô tả trong CTĐT hoàn thiện hơn. Rà soát chỉnh sửa CTĐT ít nhất 2 năm một lần sao cho phù hợp với xu thế mới, phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức độ nhất định của CĐR. Bản mô tả CTĐT đều có các đề cương chi tiết học phần tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa GDTC-QP đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT **[H2.02.02.01]**, **[H2.02.02.02]**.

Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bổ giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học, khoa phụ trách.

- Mô tả học phần

- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

- Chuẩn đầu ra học phần.

- Tài liệu phục vụ môn học

- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Kế hoạch giảng dạy chi tiết

- Đánh giá kế hoạch học tập

- Thông tin về giảng viên

- Các quy định chung

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành,...

Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. Đề cương chi tiết các môn học ngành GDTC được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành **[H2.02.02.03]**. CTĐT này được thực hiện theo chủ trương chỉnh sửa, cập nhật lại CTĐT của Nhà trường, viết đề cương môn học theo mẫu mới theo phương pháp tiếp cận CDIO, và mô tả các Ma trận trong CTĐT cho người học trong năm 2020 **[H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]**.

CTĐT và nội dung các học phần ngành GDTC được triển khai đến các bộ môn làm cơ sở cho việc điều chỉnh theo kế hoạch, sau đó Hội đồng Khoa thảo luận và cho ý kiến để hoàn thiện hơn **[H2.02.02.07]**. Trên cơ sở đó, Khoa đã họp góp ý cho việc rà soát, đóng góp ý kiến về đề cương các học phần do bộ môn phụ trách **[H2.02.02.08]**. Đề cương chi tiết các học phần sau khi hoàn thiện được Hội đồng Khoa góp ý và Nhà trường họp phê duyệt và ban hành **[H2.02.02.09].** Đối sánh với đề cương chi tiết và CTĐT ngành GDTC được Khoa xây dựng và sau đó Nhà trường ban hành vào các năm 2015,

2017, 2020, đề cương chi tiết các học phần và CTĐT hiện hành hoàn thiện, chi tiết hơn và thể hiện đầy đủ các yêu cầu của từng học phần. Ngoài ra, so với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2015, 2017, đề cương chi tiết học phần công bố năm 2020 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức: với cùng một học phần, ngoài mục tiêu chung gần như giống nhau, phiên bản mới còn có CĐR của học phần; liệt kê các CĐR mà sinh viên phải đạt được sau khi học; mỗi yêu cầu tương ứng với từng chuẩn đầu ra CTĐT và mức độ CĐR. Bên cạnh đó, đề cương chi tiết học phần được công bố năm 2020 có thêm mục *Mô tả học phần* và trong khi phiên bản công bố năm 2015, 2017 chỉ trình bày nội dung chi tiết học phần thì phiên bản năm 2020 có cả kế hoạch giảng dạy chi tiết, gồm nội dung kiến thức của từng buổi học kèm theo yêu cầu đối với sinh viên và phương pháp giảng dạy, học tập rất chi tiết; ma trận quan hệ CĐR và hình thức đánh giá cũng được bổ sung. Trừ một số môn chung và cơ sở của ngành không thay đổi nhiều (chủ yếu thay đổi số lượng tín chỉ), có nhiều học phần mới được bổ sung để phù hợp với chương trình Giáo dục phổ thông mới và phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng **[H2.02.02.10]**.

Đề cương chi tiết học phần được các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần viết cẩn thận **[H2.02.02.11].** Việc thông qua các đề cương chi tiết học phần được thực hiện sau khi hội đồng khoa học khoa thống nhất ý kiến **[H2.02.02.12]**, **[H2.02.02.13].**

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHQN. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về các lĩnh vực chuyên ngành GDTC. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá …của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như tập bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành GDTC, TDTT còn chưa nhiều. Nguyên nhân của điều này là do nguồn kinh phí, phương pháp tiếp cận và cách tiếp cận các nguồn tài liệu này còn bị hạn chế. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các nhà sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần chưa được thực hiện trên quy mô rộng mà chủ yếu thực hiện ở các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục tồn tại trên, từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành GDTC. Đồng thời, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội. Nhà trường phải đổi mới cách thức cũng như nội dung phiếu khảo sát để lấy ý kiến người học, các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, đặc biệt Nhà trường phải mở rộng địa bàn khảo sát các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng lao động.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 4/7*

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành GDTC hiện hành được phổ biến một cách rộng rãi, được rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của các bên liên quan từ ý kiến của GV, các Bộ môn, góp ý của đơn vị sử dụng (Sở GD&ĐT), giáo viên, cựu người học và thông qua Hội đồng Khoa; Sau khi bản mô tả CTĐT theo CĐR ngành GDTC được Trường ĐHQN ban hành, Khoa GDTC-QP đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung của bản mô tả CTĐT **[H2.02.03.01]**. Việc xây dựng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần với CĐR cụ thể mà môn học đó cung cấp cho người học nhận rõ việc học tập có một ý nghĩa thật sự và việc học ảnh hưởng tích cực đến cách suy nghĩ và hành động của mình. Đối sánh với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ban hành năm 2015 thì bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần hiện hành thể hiện đầy đủ hơn, chi tiết hơn các yêu cầu đối với người học; đồng thời người học cũng có thể nắm bắt rõ hơn các thông tin cụ thể về các học phần **[H2.02.03.02]**, **[H2.02.03.03].**

Bản mô tả CTĐT cập nhật theo phương pháp tiếp cận CDIO và đề cương các học phần sau khi điều chỉnh được Khoa GDTC-QP công bố công khai cho người học, GV, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website Nhà trường, trên website Khoa; niên giám CTĐT; trong gặp mặt SV đầu

khóa theo đúng quy định của Nhà trường. Khoa đã sử dụng bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng giảng viên các Bộ môn trong khoa **[H2.02.03.03]**, **[H2.02.03.04]**, **[H2.02.03.05]**, **[H2.02.03.06]**. Dựa vào bản mô tả CTĐT, Khoa GDTC-QP chuẩn bị sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của chương trình và tình hình nhân sự của Khoa, Bộ môn, đồng thời giúp GV nắm bắt kế hoạch giảng dạy của mình cũng như giữa các GV với nhau để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các môn học, giữa các năm học.

Bên cạnh đó, việc nắm bắt được bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần giúp người học có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, người học có thể nắm được việc đăng ký các học phần trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm và cả khóa học, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được CĐR, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp **[H2.02.03.07]**, **[H2.02.03.08]**, **[H2.02.03.09]**, **[H2.02.03.10]**. Ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên là cơ sở quan trọng để ban soạn thảo Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có được thông tin cần thiết để rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành GDTC được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Trên cơ sở đó giúp Nhà trường và các đơn vị sử dụng lao độngtương tác trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù các bên liên quan tiếp cận được bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng nhưng ngoài các phản hồi từ các đợt khảo sát, Nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về chất lượng của CTĐT cũng như đề cương chi tiết học phần ngành GDTC. Điều này làm giảm sự tương tác giữa Nhà trường và các bên liên quan và ảnh hưởng ít

nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành GDTC.

- Việc xuất bản và truyền tải thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp vì chưa có sự phối hợp đồng bộ với các đơn vị có liên quan như Phòng ban trong nhà trường; Điều này ảnh hưởng đến việc đối chiếu so sánh các CTĐT cũ và mới của những người quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa kết hợp với Phòng KT&BĐCL và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp để mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giádự kiến sẽ lấy ý kiến của khoảng 50 chuyên gia, các nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu người học. Đồng thời, Khoa đề xuất Nhà trường trong việc phối hợp với Phòng đào tạo đại học; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thiết kế bản mô tả CTĐT hoàn thiện hơn và truyền tải được đến các bên liên quan.

Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh CTĐT theo đúng quy định và cập nhật theo hướng ứng dụng. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, Nhà trường cũng đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên hệ thống website của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành GDTC là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành GDTC được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành GDTC được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của Hội đồng Khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, … của học

phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học. Mặc dù vậy, việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách rộng rãi; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, đề cương chi tiết học phần chưa được sâu rộng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Môn học GDTC là môn học bắt buộc trong chương trình đổi mới phổ thông các cấp, nó góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát triển kiến thức, kỹ năng vận động và tạo cơ hội để người học được trải nghiệm, áp dụng, vận dụng thể thao vào đời sống thực tiễn. Môn Giáo dục thể chất góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực cho người học, trọng tâm là: trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng chăm sóc sức khoẻ; kiến thức và kĩ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khoẻ, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp sinh viên có ý thức, trách nhiệm đối với sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT ngành GDTC cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) là yếu tố quyết định đến CLĐT. Do đó, Khoa GDTC-QP xây dựng CTDH ngành GDTC theo các quy định và hướng dẫn được ban hành bởi Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở CTDH của ngành phải có sự kế thừa và phát huy CTDH của các trường đại học lớn, Khoa GDTC-QP cũng tham khảo CTDH của các trường đại học uy tín trong nước trong quá trình xây dựng CTDH. CTDH của ngành cũng được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường sử dụng lao động, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

CTDH ngành GDTC có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, có cấu trúc được thiết kế một cách logic có hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình

độ. Bên cạnh đó, CTDH của ngành GDTC cũng được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Dựa trên các yêu cầu CĐR về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC **[H3.03.01.01]** và CĐR về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội, CTĐT ngành GDTC được xây dựng **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.03]**. Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR, CTĐT ngành GDTC đã có sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến thức như kiến thức chung cũng như kiến thức ngành, đặc biệt là kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp) **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.03]**.

CTDH của ngành GDTC được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể, chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR**.** CTDH đảm bảo việc đạt được CĐR của ngành GDTC thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTDH và đề cương chi tiết học phần, Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần/môn học về mức độ đạt được CĐR của CTĐT và mô tả CĐR của CTĐT, bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo; CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần; Nội dung đào tạo; Kế hoạch giảng dạy (dự kiến); Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs, Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu raPLOs; Phương pháp đánh giá (*Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment))*; Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần; Đề cương chi tiết các môn học [**H3.03.01.04],** [**H3.03.01.05],** [**H3.03.01.06],** [**H3.03.01.07],** [**H3.03.01.08]**.

CTDH phù hợp mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.07]**, **[H3.03.01.08]**.

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR [**H3.03.01.06]**, [**H3.03.01.08]**. Cụ thể, chương trình của ngành hiện nay được thiết kế 138 tín chỉ, trong đó: Khối kiến đại cương (32TC); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (106TC) bao gồm kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, Kiến thức ngành, chuyên ngành, Kiến thức bổ trợ và Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế.

Về Khối kiến thức giáo dục đại cương, ngoài (09TC) của các học phần giáo dục quốc phòng – an ninh, khối kiến thức đại cương của ngành GDTC còn cung cấp các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật (17TC), ngoại ngữ (07TC), Kiến thức cơ sở chung (07TC). Về Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành (24TC); Kiến thức ngành, chuyên ngành (57TC); Kiến thức bổ trợ(27TC); Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế (6TC).

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTC trong tất cả các học phần trong CTĐT đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH, bản mô tả học phần và bản Mô tả CĐR của CTĐT [**H3.03.01.06],** [**H3.03.01.08]**. Cụ thể, về phương pháp giảng dạy, đội ngũ GV có sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: thuyết trình; nêu vấn đề; phương pháp trực quan; phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ; phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu; seminar hoặc kết hợp các phương pháp với nhau chẳng hạn như phương pháp sử dụng lời nói kết hợp với phương pháp thị phạm động tác,… nhằm góp phần đạt được CĐR [**H3.03.01.08**]. Về phương pháp kiểm tra đánh giá SV, nhằm hỗ trợ hiệu quả cho việc đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTC, đội ngũ GV của Khoa cũng sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau như Điểm chuyên cần chiếm 10% điểm tổng kết học phần; Điểm đánh giá quá trình (Thi giữa kỳ) chiếm 30%; Điểm thi cuối kỳ chiếm 60% [**H3.03.01.06**]. Đối với bài thi cuối kỳ có thể đánh giá SV bằng hình thức thi

viết/vấn đáp hoặc thi thực hành,…[**H3.03.01.06**].

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được chú trọng nên đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực *"lấy người học làm trung tâm"* như tổ chức thảo luận nhóm,... được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR **[H3.03.01.08]**.

Cùng với việc trang bị kiến thức cho SV, cấu trúc của chương trình được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích, kỹ năng thị phạm động tác và kỹ năng tổ chức các hoạt động TDTT,... các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các môn học, để người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chương trình dạy học, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của sinh viên về các ý kiến của sinh viên năm cuối, về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành GDTC, ý kiến của giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học ngành GDTC về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất **[H3.03.01.09], [H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H3.03.01.02].**

2. Điểm mạnh

- CTDH ngành GDTC được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH.

- Với mong muốn đạt được CĐR tốt nhất, Nhà trường liên tục lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo của ngành được lấy ý kiến thông qua sinh viên năm cuối và cựu sinh viên ngành GDTC, CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua các giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học ngành GDTC.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên khi xây dựng chương trình dạy học chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Khoa GDTC-QP sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung chương trình dạy học ngành GDTC dựa trên CĐR theo định kì ít nhất 2 năm 1 lần. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp tích cực *"lấy người học làm trung tâm"*, để người học được rèn luyện các kỹ năng cần thiết, phát huy được tính sáng tạo, tích cực chủ động, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên đối với chương trình dạy học sẽ được Nhà trường và Khoa thực hiện một cách đầy đủ và sâu rộng hơn từ năm học 2020-2021. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, chương trình dạy học sẽ được điều chỉnh, bổ sung,... một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Sự đóng góp của mỗi học phần theo CĐR được thể hiện rõ trong chương trình dạy học ngành GDTC. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, được biên soạn bởi GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa và các khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa TC-NH&QTKD, Khoa Lý luận chính trị- Luật và QLNN, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo TC và CĐR của CTĐT [**H3.03.02.02]**, [**H3.03.02.03].** Các đề cương này được xây dựng dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan (như nhà tuyển dụng, giáo viên, SV và cựu SV,...), các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn và các khoá tập huấn của Trường ĐHQN [**H3.03.02.01]**, [**H3.03.02.02].**

Mỗi học phần đều đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa và thể hiện rõ mục đích hướng đến là đào tạo SV trở thành giáo viên THPT môn GDTC trong tương lai đảm bảo kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, các kỹ năng cần thiết khác và đặc biệt là khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới chương trình và sách

giáo khoa hiện nay. Đề cương của từng học phần đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng.

Các học phần được xây dựng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần; Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần/môn học về mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; Mô tả CĐR của CTĐT [**H3.03.02.03],** [**H3.03.02.04],** [**H3.03.02.05]**. Cụ thể, CTDH của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở ngành đến kiến thức chuyên ngành, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành GDTC năm 2020 [**H3.03.02.03**].

Đóng góp của mỗi một học phần/môn học về mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTC là rõ ràng. Điều này được thể hiện chi tiết trong Ma trận đóng góp của mỗi học phần/môn học về mức độ đạt được CĐR của CTĐT và CĐR của CTĐT ngành GDTC [**H3.03.02.04]**, [**H3.03.02.05]**. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường cũng thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR của CTDH [**H3.03.02.06]**. Cụ thể, CTDH của ngành được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo công khai, chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan.

Theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN, Khoa GDTC-QP đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành GDTC **[H3.03.02.08], [H3.03.02.09]**. Quá trình được thực hiện dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên khối ngành sư phạm; ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo ngành GDTC; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau một năm ra trường **[H3.03.02.10], [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13]**. Chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR sát với thực tiễn **[H3.03.02.14]**.

Thêm vào đó, Khoa GDTC-QP nhận thấy rằng, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho nội dung các học phần trong CTDH nhằm phục vụ cho việc rà soát CTDH

định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV. Ngoài việc khảo sát ý kiến của SV, từ năm 2016 đến nay Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng SV của ngành sau khi ra trường. Kết quả khảo sát cho thấy các nhà tuyển dụng cũng đánh giá tốt về chất lượng của SV ngành GDTC [**H3.03.02.07]**.

2. Điểm mạnh

- Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT, các học phần trong CTDH ngành GDTC được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành.

- Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

4. Kế hoạch hành động

Theo kế hoạch chung của Nhà trường, đề cương chi tiết cho tất cả các học phần sẽ tiếp tục được cập nhật và điều chỉnh theo định kì 2 năm 1 lần.

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành GDTC của Khoa GDTC-QP, Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN.

Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường. Trong tổng 138 tín chỉ được xây dựng trong CTĐT bao gồm cả khối kiến thức chung về khối kiến thức giáo dục đại cương, khoa học chính trị và pháp luật; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp**,** khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), đều thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ năm thứ nhất đến năm thứ tư **[H3.03.03.01]**, **[H3.03.03.02], [H3.03.03.03]**, **[H3.03.03.04]**. Các học phần được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của sinh viên; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.04]**.

Các học phần thực tập sư phạm được xây dựng song hành với các học phần lý thuyết và thực hành **[H3.03.03.05]** để hình thành cho sinh viên các kỹ năng như: kỹ năng thiết kế dạy học, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng thị phạm động tác và thuyết giảng, kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Ngoài ra, trong quá trình thực tập cũng hình thành kỹ năng giao tiếp và lòng yêu nghề cho người học. Hơn nữa, học phần này chính là cơ hội tốt nhất rèn luyện và ôn tập lại kiến thức đã học và cũng là cơ hội giúp người học tích lũy thêm những kiến thức từ thực tế.

Tính tích hợp cũng được thể hiện trong chương trình dạy học ngành GDTC. Các học phần trong CTĐT không chỉ là các học phần lý thuyết mà còn có các học phần thực hành ứng dụng, các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các học phần chuyên ngành ứng dụng thực tiễn cũng được thực hiện tại lớp học ở Trường với học sinh giả định và thực tập sư phạm giảng dạy thực tế tại các trường THPT **[H3.03.03.05]**, **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]**.

Theo chủ trương chung của Nhà trường, theo định kì ít nhất 2 năm 1 lần, tất cả các học phần đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.08], [H3.03.03.09]**. Các học phần được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học và phù hợp với nội dung của chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC

[H3.03.03.05], **[H3.03.03.09]**.

Theo đó, từ năm 2015 đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần vào năm 2015, 2017, 2020 **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.05]**. Để có thể thay đổi nội dung cho phù hợp, Nhà trường và Khoa GDTC-QP đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cựu sinh viên ngành GDTC về chất lượng đào tạo ngành GDTC và ý kiến của giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học ngành GDTC về CTĐT **[H3.03.03.10], [H3.03.03.11], [H3.03.03.12]**. Ngoài ra, trong quá trình điều chỉnh, Khoa luôn tham khảo chương trình dạy học của các trường đại học uy tín trong nước để ngày càng hoàn thiện chương trình dạy học ngành GDTC của Nhà trường **[H3.03.03.13]**.

2. Điểm mạnh

- Chương trình dạy học ngành GDTC được cấu trúc theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành GDTC.

- Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm so với các học phần thực hành chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu sinh viên.., kết hợp với tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành GDTC trong thời kì hội nhập.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Ý thức được tầm quan trọng của CTDH đối với CLĐT đại học, Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP đã chú trọng xây dựng CTDH một cách cẩn thận và khoa học. Để tránh

trường hợp giáo dục lạc hậu, xa rời thực tiễn, Khoa cũng đã thường xuyên rà soát, cập nhật để hoàn thiện CTDH dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp và đáp ứng xu hướng phát triển ngành GDTC. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các cán bộ (CB), GV của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

Mặc dù còn một số hạn chế trong phương pháp giảng dạy ở một số học phần, chưa kết hợp chặc chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, một số học phần trong các học kì đầu tiên còn mang tính chung chung, chưa định hướng được cho người học những kiến thức được học tiếp trong các học kì sau, tuy nhiên chương trình dạy học của Khoa GDTC-QP nói chung đã được thiết kế một cách logic, mang tính tích hợp giữa lý thuyết và ứng dụng, nội dung luôn được cập nhật thường xuyên. Nó bao gồm các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Người học được đảm bảo tiếp cận kiến thức một cách khoa học từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Dựa trên đề cương chi tiết của mỗi học phần cụ thể, các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Các học phần thuộc khối kiến thức chung, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có nội dung phù hợp, bổ trợ cho nhau.

Chương trình dạy học của Khoa GDTC-QP đã đáp ứng được xu hướng phát triển ngành GDTC trong cả nước. Các cán bộ, giảng viên trong Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, chú trọng phương pháp dạy học hiện đại, tích cực trong việc truyền đạt kiến thức nhằm trợ giúp tốt hơn cho người học để đạt được kết quả tốt đầu ra. Các học phần chuyên sâu được xây dựng một cách logic, tương hỗ lẫn nhau. Do đó, các kiến thức lý thuyết, thực hành và những kỹ năng cần thiết khác được người học lĩnh hội một cách đầy đủ và sâu sắc.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

1. Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành GDTC cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường Đại học Quy Nhơn chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho các môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Đồng thời, thông qua các hoạt động bổ trợ thích hợp, tập thể cán bộ giảng viên Khoa GDTC-QP hỗ trợ, hướng dẫn người học hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động, sáng tạo trong học tập, từ đó góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn **[H4.04.01.01]**. Hơn nữa, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, với nội dung "*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp"*, và đã được triển khai rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, sinh viên, học viên trong toàn trường **[H4.04.01.02]**.

Nội dung "Toàn diện" được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung "Khai phóng" được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý

thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung "Thực nghiệp" được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như sau: "*Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, kết hợp một phần định hướng nghiên cứu, có đẳng cấp quốc gia vững chắc và vị trí nhất định trong khu vực Đông Nam Á, được kiểm định quốc tế, có quan hệ đào tạo và nghiên cứu rộng rãi với các trường đại học trong nước, trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn, giáo dục và công nghệ; là cơ sở nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ khoa học - công nghệ hàng đầu của khu vực Nam Trung bộ và của đất nước; đủ sức cạnh tranh và khả năng hợp tác trong hệ thống đại học Việt Nam và khu vực với tín nhiệm xã hội cao trên cơ sở chuẩn hóa và chủ động hội nhập quốc tế*" **[H4.04.01.03]**. Tương tự như vậy, báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 đã giúp cho cán bộ, giảng viên, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội **[H4.04.01.04]**.

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chung, ngành GDTC hướng đến việc đào tạo những cử nhân GDTC có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức về GDTC và phương pháp giảng dạy thể chất ở trường THPT **[H4.04.01.05]**, **[H4.04.01.06]**. Về mặt kiến thức, chương trình nhằm trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, về khoa học tự nhiên cũng như những kiến thức cơ bản về GDTC làm nền tảng cho việc truyền đạt kiến thức ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, chương trình trang bị cho sinh viên có kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy môn GDTC để dạy Thể dục cho học sinh THPT, rèn luyện cho sinh viên khả năng vận động, kỹ năng giáo dục để giảng dạy các kiến thức TDTT cho học sinh THPT. Mục tiêu đó đã được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần **[H4.04.01.06]**.

Mục tiêu đào tạo và CĐR về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của người học được phổ biến rộng rãi đến sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng,... thông qua nhiều kênh khác nhau. Hằng năm Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá nhằm giúp cho sinh viên năm thứ nhất tiếp cận với các hoạt động dạy và học **[H4.04.01.07]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức những hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo, chẳng hạn, các buổi gặp gỡ sinh viên đầu năm học **[H4.04.01.08]**. Ngoài ra, giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua website chính thức của Nhà trường cũng như website Khoa GDTC-QP **[H4.04.01.09]**.

Để đưa ra được mục tiêu phù hợp, Nhà trường và Khoa GDTC-QP đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H4.04.01.10]**. Kết quả khảo sát được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu, CĐR chương trình đào tạo ngành GDTC đã được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, cộng đồng và xã hội thông qua nhiều hình thức như website Trường, website Khoa, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu sinh viên, ... đối với mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019-2020, Khoa GDTC-QP phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên cũng như cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục của ngành đào tạo của Khoa.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các CTDH được thiết kế để tương thích và đạt được các CĐR. Khi thay đổi CTĐT, Trường Đại học Quy Nhơn đã ban hành những quy định về CTĐT và những CĐR tương ứng. Từ năm học 2009-2010, Nhà trường thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Do vậy, CTĐT của ngành GDTC cũng được xây dựng theo hướng phù hợp với học chế mới **[H4.04.02.01]**, **[H4.04.02.02]**, **[H4.04.02.03]**, **[H4.04.02.04]**, **[H4.04.02.05]**.

Các hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chương trình được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập **[H4.04.02.04]**, **[H4.04.02.05]**.

Giảng viên của Khoa đã chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, chẳng hạn sử dụng thuyết trình kết hợp với vấn đáp gợi mở, thảo luận và làm việc nhóm. Trong quá trình giảng dạy, tùy theo từng bối cảnh cụ thể người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên **[H4.04.02.05]**.

Trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, hàng năm Khoa GDTC-QP khuyến khích, động viên các nhóm sinh viên có năng lực chuyên môn vững vàng và có niềm say mê tìm tòi khám phá tham gia các đề tài NCKH sinh viên **[H4.04.02.06], [H4.04.02.07]**.

Nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ giảng dạy sau khi tốt nghiệp, CTĐT của ngành có cấu trúc phù hợp giữa các học phần chung, học phần khoa học và học phần nghiệp vụ sư phạm **[H4.04.02.05]**. Sinh viên được tiếp xúc và thực hành việc soạn giáo án cũng như tập đứng lớp ở những học phần rèn luyện nghiệp vụ. Sinh viên năm cuối được gửi về các trường phổ thông trong các đợt thực tập sư phạm (học kỳ 7/8) để tìm hiểu thực tế giảng dạy, giáo dục và thực hành trực tiếp trong môi trường giáo dục phổ thông **[H4.04.02.08]**. Cuối mỗi đợt thực tập sư phạm, thông tin tổng hợp được thu thập nhằm giúp cho Nhà trường có những đánh giá sơ bộ về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H4.04.02.09]**, **[H4.04.02.10]**. Đồng thời, Khoa cũng đã phối hợp với phòng ban có liên quan khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, cơ sở giáo dục để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về chất lượng đào tạo của ngành **[H4.04.02.11]**.

Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ **[H4.04.02.12]**.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp sinh viên lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

- Khoa GDTC-QP đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

- SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm nhất. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Các hoạt động dạy và học của một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế chưa cao; cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy; chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV đặc biệt là SV năm nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.

Khoa chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở bậc phổ thông; kiến nghị Nhà trường hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học cũng như đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất lượng

sinh viên đầu vào; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động bổ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến thực hành, các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, thực hành, thảo luận, đi thực tập, thực tế cơ sở đều dựa trên mục tiêu là hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Do vậy CTĐT và đề cương chi tiết của học phần đều có những thay đổi để phù hợp **[H4.04.03.01]**, **[H4.04.03.02].** Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDTC **[H4.04.03.02]** thể hiện đươc sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác đinh rộ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT **[H4.04.03.01].**

Như đã phân tích ở trên, CTĐT hướng đến việc trang bị những kiến thức đại cương về khoa học nói chung và kiến thức về giáo dục thể chất một cách căn bản làm cơ sở chuẩn bị cho việc truyền đạt kiến thức ở trường phổ thông cũng như có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn. Về kỹ năng, CTĐT giúp cho sinh viên có năng lực sư phạm cần thiết cho giảng dạy môn thể dục ở trường THPT, rèn luyện năng lực vận động, phân tích và làm mẫu động tác... và kỹ năng giáo dục phục vụ công tác giảng dạy cho bậc học THPT.

Các hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH cũng như thực hiện khóa luận tốt nghiệp đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, giúp cho sinh viên có khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên **[H4.04.03.03]**, **[H4.04.03.04]**, **[H4.04.03.05]**, **[H4.04.03.06]**.

Ngoài ra, sinh viên được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH **[H4.04.03.07]**, **[H4.04.03.08]**, **[H4.04.03.09]**. Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Trường, Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học **[H4.04.03.08]**, **[H4.04.03.09]**, **[H4.04.03.10]**.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website của Khoa GDTC-QP và website của Trường ĐHQN, thư viện trường để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu **[H4.04.03.10].**

Về phía người dạy, đội ngũ giảng viên luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho giảng viên có thông tin phản hồi, Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học. Do vậy, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hằng năm **[H4.04.03.10]**, **[H4.04.03.11]**, **[H4.04.03.12]**, **[H4.04.03.13]**. Trường còn ưu tiên và khuyến khích các đề tài khoa học và công nghệ với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm **[H4.04.03.14]**.

2. Điểm mạnh

- Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

- Sự phối hợp hành động từ các bên: Nhà trường, Khoa chú trọng tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động mang tính chuyên môn; giảng viên tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên; người học nỗ lực và tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp... đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên rèn luyện kỹ năng, kiến thức cần thiết chuẩn bị cho nghề nghiệp sau này.

3. Điểm tồn tại

- Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt, việc học tập còn mang tính đối phó nên nhiều học phần chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của sinh viên trong quá trình tương tác với giảng viên. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để khích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV.

- CSVC chưa tạo được sự linh động cho việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và bài tập nhóm.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, tùy theo điều kiện cụ thể Khoa yêu cầu các giảng viên bổ sung thêm tiêu chí "khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,…" vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường bố trí địa điểm học phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành GDTC phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: mô tả CTĐT; website chính thức của Khoa; các hoạt động ngoại khóa, hội thảo; các kênh hỗ trợ sinh viên như Đoàn thành niên, Hội sinh viên.v.v.. Tập thể cán bộ giảng dạy của Khoa thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt CĐR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành giúp SV có khả năng và tinh thần học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên

cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác. Hơn nữa, một số khó khăn về chất lượng sinh viên đầu vào, về cơ sở vật chất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa GDTC-QP đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những khâu then chốt trong việc quyết định chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học. Việc đánh giá kết quả học tập sẽ giúp Khoa và Nhà trường đánh giá lại quá trình giảng dạy, rà soát lại CĐR và hoàn thiện các dịch vụ hỗ trợ người học. Đặc biệt, việc đánh giá kết quả người học một cách nghiêm túc, đúng quy định là một kênh quan trọng giúp người học xây dựng động cơ học tập đúng đắn, nâng cao chất lượng học tập.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở CTĐT cử nhân GDTC được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo của chương trình, các mức độ đạt được của CĐR của chương trình. Các quy định cơ bản về đánh giá được thông báo công khai tới người học thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa cho sinh viên, các buổi sinh hoạt lớp cuối mỗi tháng. Đặc biệt, trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và công khai qua nhiều kênh để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

1. Mô tả.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng của công tác đào tạo. Cơ sở đầu tiên cho việc đánh giá là dựa trên CĐR của chương trình đào tạo cử nhân GDTC, CĐR và hình thức kiểm tra đánh giá được công bố công khai trên website Trường và trong đề cương chi tiết học phần để người học được tiếp cận và tìm hiểu trước khi tham gia học **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.02]**.

Việc xác định mức độ đáp ứng CĐR của mỗi khóa học cũng được chú trọng. Trong đó, chất lượng sinh viên đầu vào là một căn cứ xác định mức độ đáp ứng của CĐR, được đánh giá đầu tiên dựa vào điểm chuẩn tuyển sinh của ngành và phổ điểm trúng tuyển **[H5.05.01.03]**. Khi nhập học, Khoa tổ chức đón tiếp sinh viên và thu thập thêm thông tin cá nhân (sở trường, năng khiếu văn hóa thể thao...) của sinh viên nhằm điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết) cho việc đảm bảo chất lượng đào tạo theo CĐR **[H5.05.01.04]**.

Trước mỗi năm học, Nhà trường tổ chức thảo luận, thống nhất và ban hành kế hoạch đào tạo, trong đó quy định thời điểm cụ thể cho các lần đánh giá kết quả học tập của người học và công bố công khai trên website của Trường và thông báo đến các lớp được biết **[H5.05.01.05]**, **[H5.05.01.06]**.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.01.09]**. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay sinh viên **[H5.05.01.10]**, **[H5.05.01.11].**

Sinh viên được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần và được thay đổi cho phù hợp với thực tế **[H5.05.01.10]**.

Trong quá trình đào tạo, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; thi kết thúc học phần hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các mục tiêu, yêu cầu này đều được tổ bộ môn thảo luận, thống nhất dựa trên các mức độ đáp ứng CĐR **[H5.05.01.12]**. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của học phần, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với CĐR của học phần. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành...đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,

thực hành, tiểu luận học phần đối với đánh giá cuối kì và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần **[H5.05.01.10]**. Việc tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đánh giá tốt nhất mức độ đạt được CĐR của người học: trắc nghiệm phù hợp với đánh giá các mức độ biết, hiểu; tự luận thường dùng để đánh giá khả năng hiểu, vận dụng, phân tích, và tổng hợp và vấn đáp đánh giá rất tốt việc am hiểu kiến thức nền tảng của người học. Thực hành đánh giá rất tốt kỷ năng thực hiện các kỹ thuật động tác, kỹ năng thị phạm, làm mẫu động tác của người học.

Tất cả đề thi kết thúc học phần đều được trưởng bộ môn xem xét, phê duyệt dựa trên khả năng đánh giá theo các mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp của người học và so sánh đối chiếu mức độ đạt được của CĐR **[H5.05.01.13].**

Riêng với học phần thực tập tại các trường THPT, giảng viên phụ trách hướng dẫn và giáo viên hướng dẫn tại trường phổ thông cùng đánh giá sinh viên theo quy định**,** điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động trực tiếp là các trường THPT **[H5.05.01.09]**.

Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên cần đạt điều kiện cần theo yêu cầu của Nhà trường **[H5.05.01.13], [H5.05.01.14]**. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính ứng dụng cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với sinh viên**.** Đối với đánh giá khóa luận tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.15]**.

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT.

- Các quy định, tài liệu về đánh giá kết quả học tập của người học đều căn cứ vào các mức độ đạt được của CĐR. Tất cả các đề thi của các học phần đều được các Bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, năng lực thực hành, đánh giá của người học.

- Đối với các học phần thực tập tại các trường THPT, có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các giáo viên hướng dẫn, đánh giá kết quả thực tập của sinh viên về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại trường phổ thông, kỹ năng nghiên cứu, ...

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó một cách định lượng để phân loại và đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác.

- CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề: rèn luyện nghiệp vụ, thực tập,...

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

Việc đánh giá CĐR về thái độ vẫn dựa trên tiêu chí 10% điểm thường xuyên. Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ cập nhật chương trình, điều chỉnh đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập, và sẽ thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 6/7*

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các mức độ đạt được của CĐR tốt nhất, Khoa GDTC-QP và Nhà trường đã xây dựng các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rất rõ ràng. Các quy định này bao gồm Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy **[H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]**. Các quy định này và đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho người học trên

website của Nhà trường, Khoa GDTC-QP, Sổ tay sinh viên **[H5.05.02.05]**, **[H5.05.02.06]**.

Ngoài ra, các quy định về phương thức kiểm tra, đánh giá học phần, các thành phần điểm và trọng số tương ứng, thời điểm kiểm tra cũng được quy định rõ ràng trong các Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành cử nhân GDTC **[H5.05.02.05]**. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.05]**. Cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình học tập được công bố trên lớp cho người học khi bắt đầu học phần. GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước khi kết thúc thời gian học.

Đối với khóa luận tốt nghiệp đại học, Nhà trường và Khoa cũng đã có các quy định rõ ràng: trách nhiệm của sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp, trình bày nội dung khóa luận tốt nghiệp, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.07]**.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) cũng được Khoa và Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới người học. Ngay từ khi nhập học, Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho sinh viên và chào tân sinh viên, qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CĐR của ngành đào tạo, hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CĐR đã được công bố **[H5.05.02.08]**. Thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho sinh viên ngay từ đầu năm học **[H5.05.02.09]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng lập kế hoạch thi và thông báo cho sinh viên biết thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu, **[H5.05.02.10]**. Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức thi tập trung một lần, SV có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm

bảo tiến độ học tập. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho người học **[H5.05.02.11]**. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.02.12]**.

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần cũng quy định rõ ràng. Bảy ngày sau khi thi, sinh viên được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, sinh viên có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Trợ lý học tập tiếp nhận và thông tin lại cho giảng viên tiến hành rà soát và phản hồi lại cho sinh viên **[H5.05.02.12]**.

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ sinh viên được biết **[H5.05.02.13]**, **[H5.05.02.14]**. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, sinh viên phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường và của Khoa cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được giảng viên thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học; đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Khoa đều đáp ứng yêu cầu **[H5.05.02.15]**.

2. Điểm mạnh

- Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

- Kết quả học tập của sinh viên được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng sinh viên, giúp sinh viên chủ động trong lập kế hoạch học tập, học cải thiện.

- Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường đều thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, nhằm có những điều chỉnh kịp thời cải thiện kết quả học tập theo CĐR.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên lượng truy cập vào

website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP sẽ tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết qủa học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai cho người học.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 4/7*

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy **[H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]**.

Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng mục tiêu học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp giữa các hình thức trên và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.05]**. Đề thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hay nội dung thi thực hành đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.06]**.

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi, mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng

điểm mỗi học phần, ngoài hai giảng viên chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa **[H5.05.03.01]**. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, thực hành được chấm bởi hai giảng viên. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.03.07]**. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.08]**.

Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% **[H5.05.03.05]**. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện **[H5.05.03.04]**, **[H5.05.03.09]**. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện **[H5.05.03.04]**.

Ngoài ra, cuối mỗi kỳ thi học kỳ, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên về CTĐT và hoạt động giảng dạy của giảng viên qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề **[H5.05.03.10]**, **[H5.05.03.11]**, **[H5.05.03.12]**.

2. Điểm mạnh

- Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

- Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

- Tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên tin cậy và công bằng.

3. Điểm tồn tại

- Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

- Vẫn còn một số học phần chỉ dừng lại ở việc đánh giá kiểm tra về lý thuyết, chỉ thiên về đánh giá dưới hình thức tái hiện kiến thức. Điều này một phần có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ ban hành quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng hơn trong đánh giá kết quả người học;

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ xây dựng ngân hàng đề thi, tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi.

5. Tự đánh giá*:Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa **[H5.05.04.01].** Trong đó có thống kê tỷ lệ sinh viên khá giỏi các khóa, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của mỗi năm học và kết quả xét lên lớp hàng năm nhằm theo dõi kết quả học tập của sinh viên sau các năm học **[H5.05.04.02]**.

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến giảng viên và người học: thông tin trực tiếp đến sinh viên, thông tin trên trang web của Trường, qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và cải thiện việc học tập **[H5.05.04.03]**. Với các kết quả đánh giá chuyên cần và giữa kỳ, giảng viên thông báo cho sinh viên ngay khi kết thúc học phần. Thông qua tài khoản cá nhân của mình, sinh viên có thể truy cập các điểm thành phần của các học phần và kết quả học tập của mình **[H5.05.04.04]**. Các kết quả học tập của sinh viên như điểm chuyên cần, điểm kiểm tra, điểm thi, ... được trợ lý học tập của Khoa cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi. Kết quả học tập của người học được lưu giữ

đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng **[H5.05.04.05]**. Đồng thời, sau khi có kết quả học tập mỗi học kỳ của người học, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có kết quả học tập tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả.

Ngay khi nhận được kết quả học tập, sinh viên có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà giảng viên đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình **[H5.05.04.06]**. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho sinh viên trong vòng 7 ngày **[H5.05.04.05]**, **[H5.05.04.06]**.

Trong mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm tuyên dương, khen thưởng các em có thành tích xuất sắc đồng thời cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các sinh viên có kết quả học tập không đạt yêu cầu **[H5.05.04.07]**, **[H5.05.04.08]**. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 của các năm học **[H5.05.04.09]**, **[H5.05.04.10]**, **[H5.05.04.11]**.

Kết quả học tập của người học được Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa Giáo dục Thể chất & Quốc Phòng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ **[H5.05.04.05]**. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Trong mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách và nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản có xác nhận của Khoa và phòng Thanh tra – Pháp chế **[H5.05.04.12]**.

Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cũng giúp sinh viên chủ động trong kế hoạch học tập của mình: cải thiện kết quả học tập, vượt tiến độ chung, xin nghỉ học tạm thời, ... và có các hướng dẫn thủ tục đăng ký cụ thể **[H5.05.04.13]**.

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của người học về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học hệ chính quy hàng năm về hoạt động giảng dạy của giảng viên vào cuối mỗi học kỳ

theo "Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường ĐHQN" **[H5.05.04.14]**. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả sinh viên được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên ở tất cả các học phần, từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng hình thức trực tuyến trên website **[H5.05.04.15]**.

Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của giảng viên, giúp giảng viên có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học **[H5.05.04.16]**.

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối về chất lượng ngành đào tạo, trong đó có tiêu chí đánh giá việc công bố, phản hồi kết quả học tập của sinh viên kịp thời, đúng quy định không **[H5.05.04.17]**. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy trên 75% sinh viên hài lòng với việc công bố, phản hồi kết quả học tập của sinh viên kịp thời, đúng quy định **[H5.05.04.18]**.

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trong quá trình học tập, sinh viên được tạo điều kiện trao đổi với cố vấn học tập, giảng viên bộ môn, và Trợ lý học tập của Khoa.

- Sinh viên được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

- Sau khi có kết quả học tập ở mỗi học kỳ, Khoa đều triển khai cho CVHT tổ chức họp lớp để khuyến khích SV có kết quả học tập tốt và động viên, tư vấn cho SV thuộc diện cảnh bảo học tập nhằm giúp các SV này cải thiện kết quả học tập.

- Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm do sự chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần của một số ít GV. Điều này ảnh

hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về thông tin, lưu trữ kết quả học tập của sinh viên một cách đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa kiến nghị với Nhà trường cải tiến phần mềm quản lí, cương quyết xử lí những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của người học

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Giáo dục Thể chất & Quốc phòng đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kì để sinh viên tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Mặt khác, Khoa Giáo dục Thể chất & Quốc phòng cũng sẽ cương quyết xử lí những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá*: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được Trường ĐHQN hướng dẫn cụ thể. SV có quyền khiếu nại kết quả học tập nếu chưa thỏa mãn. Quy trình, thủ tục, mẫu đơn phúc khảo được đăng tải trên website của Trường, SV có thể tiếp cận dễ dàng. SV có khiếu nại về điểm thì làm đơn đề nghị phúc khảo gửi đến Khoa, thời gian chấm phúc khảo theo đúng như quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống TC. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong quy trình giải quyết công việc của Trường **[H5.05.05.01]**. Quy trình này được công bố cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai ngay từ khi sinh viên nhập học, thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, tư vấn hỗ trợ của CVHT và các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi kết thúc học phần **[H5.05.05.02]**, **[H5.05.05.03]**. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình **[H5.05.05.01]**.

Đối với điểm quá trình, sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì sinh viên làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại **[H5.05.05.04]**. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài

làm của mình thì làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại **[H5.05.05.05]**. Văn phòng Khoa phối hợp với giáo viên để giải quyết cho sinh viên theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi. Kết quả phúc khảo bài thi sau mỗi kỳ được đưa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu và là kết quả cuối cùng của học phần **[H5.05.05.06]**. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến giảng viên và người học: thông tin trên website của trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập **[H5.05.05.07].**

Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, sinh viên đều được in bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót.

2. Điểm mạnh

- Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, người học dễ dàng tiếp cận. Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

- SV được cấp 01 tài khoản truy cập cổng thông tin đào tạo riêng và có thể xem điểm một cách nhanh chóng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên chưa vẫn nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ ban hành cụ thể hơn quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong "Sổ tay sinh viên" nhằm giúp người học ghi nhớ dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời đa dạng hóa hơn nữa các hình thức giúp nâng cao ý thức của sinh viên trong việc khiếu nại kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: *Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành cử nhân Giáo dục Thể chất được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CĐR được ban hành, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương

pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học chưa được thuận lợi.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa GDTC-QP đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, đạt yêu cầu 5/5, trong đó có 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học, dịch vụ và sự phát triển của Nhà trường. Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và phải được thực hiện một cách liên tục.

Hiện nay, đội ngũ GV của Trường khá mạnh, họ vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, với bề dày kinh nghiệm trong đào tạo ngành GDTC, đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành GDTC của Khoa GDTC-QP có trình độ chuyên môn cao, có nghiệp vụ sư phạm tốt, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng tốt mọi yêu cầu trong thực hiện CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa GDTC-QP được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ giảng viên của Khoa GDTC-QP được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý các cấp. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghiên cứu khoa học của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng giảng viên. Những thành tích, đóng góp về nghiên cứu khoa học, hoạt

động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể luôn được Khoa quan tâm và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên có vị trí hết sức quan trong, "cái gốc" của công tác giáo dục, quyết định trực tiếp đến kết quả giáo dục - đào tạo. Do đó, làm tốt công tác đào tạo gắn với quy hoạch, đảm bảo cho đội ngũ này luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, trong sáng về đạo đức, lối sống, có trình độ tri thức toàn diện, chuyên sâu, yêu nghề, tâm huyết với công việc, có phong cách, tác phong sư phạm mẫu mực là nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà Khoa và Nhà trường cần phải làm thường xuyên thực hiện để có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học. Chính vì vậy, việc xây dựng một đội ngũ GV đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp và đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT là một việc cần thiết. Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng GV cần bổ sung để thay thế cho các GV nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và cho những năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất Nhà trường tuyển đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn GV và đáp ứng được yêu cầu của CTĐT.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường và trong sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa, việc đào tạo giáo viên ngành Sư phạm nói chung và ngành cử nhân GDTC riêng được coi là nhiệm vụ hàng đầu, theo hướng đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước **[H6.06.01.01], [H6.06.01.02]**. Trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH **[H6.06.01.01]**.

Khoa đã chủ động trong công việc quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa theo quy trình chặt chẽ và phù hợp với quy định

chung của Nhà trường và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên **[H6.06.01.03], [H6.06.01.04].**

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 24 người (nam: 21; nữ: 03) trong đó gồm 19 giảng viên cơ hữu và 02 CBBP được chia làm 02 bộ môn (bộ môn Phương pháp dạy học và bộ môn Thể chất - Quốc phòng) và 03 chuyên viên **[H6.06.01.05]**, **[H6.06.01.06]**. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 42,18 **[H6.06.01.06]**. Số cán bộ giảng viên có học hàm PGS: 01 (chiếm 5,26%), số cán bộ đạt trình độ TS: 05 (chiếm 26,31%), số cán bộ đang làm NCS là 02 (chiếm 10,53%), còn lại là thạc sĩ. Phân hạng giảng viên, bao gồm giảng viên cao cấp: 01, giảng viên chính: 03, giảng viên: 17 **[H6.06.01.06]**.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án vị trí việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ của Khoa **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.08]**, **[H6.06.01.09]**.

Đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài tỉnh **[H6.06.01.10]**. Hằng năm giảng viên của Khoa có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước **[H6.06.01.10]**. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên luôn được Khoa rất quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các giảng viên của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi học tập, nghiên cứu sinh và tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường **[H6.06.01.11]**, **[H6.06.01.12], [H6.06.01.13]**.

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên trẻ luôn được Khoa quan tâm hỗ trợ và nhiệm vụ này do các bộ môn đảm nhận. Mỗi giảng viên trẻ trước khi đứng lớp đều được bộ môn phân công một giảng viên có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn để đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ của các giảng viên trẻ được vững chắc **[H6.06.01.14]**.

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có

ban hành *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN* **[H6.06.01.03]**. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH của cán bộ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH **[H6.06.01.03]**.

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp giảng viên hết thời gian tập sự; hay đề nghị Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu giảng viên của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước **[H6.06.01.15], [H6.06.01.16]**.

Định kỳ hằng năm, Nhà trường có thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa đã có cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời chấn chỉnh những mặt còn tồn tại. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.17]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ giảng viên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết lớn và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

- Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Một số giảng viên còn đang thời gian đi học nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sỹ trở lên còn thấp, tỷ lệ giảng viên nam/nữ còn mất cân đối.

- Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín ở trong nước.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hằng năm, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát **[H6.06.02.01]**.

Hiện nay tổng số cán bộ của Khoa là 16 giảng viên cơ hữu ngành GDTC; trong đó gồm 01 PGS.TS, 04 TS, 11 ThS (trong đó có 02 đang học NCS). Số GV đạt trình độ PGS, Tiến sĩ là 05 (chiếm 31,25%). Số lượng giảng viên quy đổi của ngành cử nhân GDTC hiện nay là 16 người và số lượng người học chính quy ngành GDTC năm học 2019 - 2020 là 121 sinh viên. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên của ngành GDTC là 7,56/1. Tỷ lệ này có thể nói là rất thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành I là 20/1) **[H6.06.02.02]**. Điều này dẫn đến số giờ giảng của giảng viên cho sinh viên ngành GDTC khá ít. Từ thực tế này, Khoa luôn có chính sách phân bổ hợp lý, công bằng tổng số giờ giảng cho sinh viên thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN và các lớp vừa làm vừa học ở các tỉnh Bình Định, ĐăkLăk, Quảng Nam, Kon Tum, ... nhằm đảm bảo khối lượng giờ giảng hằng năm cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV. Do vậy, các GV của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, do chỉ tiêu tuyển sinh Đại học hằng năm cho ngành GDTC bị giới hạn, Khoa đã tích cực, chủ động trong việc xây dựng chương trình đào tạo và đội ngũ giảng viên đủ điều kiện để mở thêm ngành học mới (cao học chuyên

ngành); đồng thời Khoa đã đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh ở tất cả các hệ (Đại học, vừa làm vừa học, liên thông từ CĐ lên ĐH) bằng nhiều hình thức để tăng số lượng tuyển sinh hằng năm. Điều này đã góp phần quan trọng giúp Khoa luôn bảo đảm khối lượng giờ giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng của giảng viên trong tình hình hiện nay.

Trong công tác giám sát và thi đua, vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, Bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.03]**. Bên cạnh đó, công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm cũng là một kênh thông tin để GV tham khảo nhằm phát huy và điều chỉnh công tác giảng dạy **[H6.06.02.04]**. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện theo chế độ làm việc đối với giảng viên của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN **[H6.06.02.05]**. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường **[H6.06.02.06]**. Giảng viên thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường **[H6.06.02.05]**. Giảng viên Khoa rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua các đề tài các cấp, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị trong và ngoài tỉnh **[H6.06.02.07]**, **[H6.06.02.08]**

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm để giảng dạy cho sinh viên ngành GDTC, giảng dạy cho sinh viên thuộc nhiều ngành khác của Trường ĐHQN và các lớp hệ vừa làm vừa học ở các tỉnh ĐăkLăk, Quảng Nam, Kon Tum, Bình Định.

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu còn thiên về lý thuyết nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, lãnh đạo Khoa sẽ tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng, đặc biệt ưu tiên cho các tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên rất rõ ràng, cụ thể (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Trong đó 02 tiêu chuẩn quan trọng nhất chính là tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng **[H6.06.03.01]**. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN và đồng

thời niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức - Nhân sự **[H6.06.03.02]**. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và giảng thử tại bộ môn rồi mới lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một giảng viên hướng dẫn trực tiếp cho giảng viên mới được tuyển dụng **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.03]**. Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, giảng viên cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH **[H6.06.03.04]**, **[H6.06.03.05], [H6.06.03.06]**.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở đó, Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy và NCKH, tuân thủ nghiêm chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn giảng viên có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

Chủ động đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn giảng viên có trình độ cao.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của GV là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng sẽ góp phần nâng cao năng lực và sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của GV.

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Mặc dù, ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa GDTC - QP nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức **[H6.06.04.01]**. Đội ngũ giảng viên của Khoa cũng nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn, hàng năm khoa luôn tạo điều kiện để giảng viên được học tập, tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ ràng qua các bài báo được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước, cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà giảng viên của Khoa đã và đang thực hiện **[H6.06.04.02]**. Vì vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên về cơ bản đáp ứng được tốt yêu cầu của công việc.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên **[H6.06.04.03]**. Do đó, cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài NCKH các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.04]**. Hằng năm, sau khi kết thúc năm học Nhà trường đều triển khai tổng kết, đánh giá phân loại viên chức **[H6.06.04.05]**. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức **[H6.06.04.06]**. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH được khen thưởng cấp trường, Tỉnh vinh danh **[H6.06.04.07]**. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm không chỉ giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, qua đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp **[H6.06.04.08]**, **[H6.06.04.09]**, **[H6.06.04.10].**

Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Như vậy, năng lực của

đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

- Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

- Đội ngũ giảng viên của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều giảng viên được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Cán bộ trong khoa luôn nổ lực để nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên chưa được đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Khoa luôn tạo mọi điều kiện cho giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh do Nhà trường tổ chức, và cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ, thể hiện qua: Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015 - 2020 **[H6.06.05.01]**; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 **[H6.06.05.02]**; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐHQN **[H6.06.05.03]**; Thống kê trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên **[H6.06.05.04]**. Đồng thời, Khoa GDTC - QP cũng đã tiến hành phân tích về

nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế. Nhà trường cũng chú trọng lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy để rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo SV, từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế **[H6.06.05.05]**, **[H6.06.05.06]**.

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên và chuyên viên, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực. Hàng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể giảng viên của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nếu giảng viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh Nhà trường đều cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường **[H6.06.05.07], [H6.06.05.08]**. Nhiều giảng viên được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước **[H6.06.05.08]**; nhiều giảng viên được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm **[H6.06.05.09]**; được đào tạo nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước **[H6.06.05.10]**. Các giảng viên được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí khi tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và quốc tế và được cử đi hợp tác NCKH **[H6.06.05.7].** Dựa theo nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng Giảng viên chính **[H6. 06.05.11]**.

Việc tuyển giảng viên của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường **[H6.06.05.12].** Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của giảng viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên **[H6.06.05.08]**, **[H6.06.05.13]**.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHQN đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

- Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích giảng viên, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

- Do trình độ ngoại ngữ của một bộ phận giảng viên còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hàng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

- Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để giảng viên tham gia. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa GDTC- QP sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên, đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Có cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Khoa sẽ tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên đầy đủ và toàn diện. Nhà trường sẽ thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành các văn bản và những Quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng cán bộ (giảng viên, chuyên viên). Đối với giảng viên phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học **[H6.06.06.01]**, **[H6.06.06.02]**. Dựa vào đó Khoa thực

hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN; Các Công văn, Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm **[H6.06.06.03]**; **[H6.06.06.04]**.

Để đẩy mạnh công tác NCKH, Nhà trường đã có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế **[H6.06.06.05]**. Các bài báo và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho GV là chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua.

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác được xem xét bình chọn các danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng.... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn. Việc ghi nhận thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và NCKH.

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Bộ GD&ĐT, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen Công đoàn Ngành, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

3. Điểm tồn tại

- Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các giảng viên cùng bộ môn và với các giảng viên của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

- Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên về NCKH của Nhà trường vẫn chưa được định lượng chính xác. Do vậy, việc khen thưởng

chưa có sự khác biệt đối với giảng viên là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Trong những năm học tới, sẽ thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu, có cơ chế khuyến khích hiệu quả hoạt động của các nhóm. Khoa và Trường có hình thức khen thưởng vào cuối năm học đối với các giảng viên có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các giảng viên, đồng thời dựa vào kết quả NCKH của giảng viên để xếp loại giảng viên cuối năm.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

NCKH là hoạt động vô cùng quan trọng, giúp cho cán bộ GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế trong thời đại Cách mạng 4.0, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được Khoa và Nhà trường quan tâm. Đầu năm học, các giảng viên phải đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn sinh viên làm NCKH, khóa luận tốt nghiệp), đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã được quy định. Cuối mỗi năm học Nhà trường và Khoa luôn tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên. Điều này được thể hiện qua quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN **[H6.06.07.01]**; mở các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên, nghiệp vụ sư phạm và cử giảng viên tham gia thi thăng hạng **[H6.06.07.02], [H6.06.07.03]**; các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2015 - 2020 Thống kê các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ chuyên viên; Thống kê số giờ NCKH của giảng viên hằng năm **[H6.06.07.04], [H6.06.07.05], [H6.06.07.06]**. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng **[H6.06.07.07]**.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHQN, **[H6.06.07.08], [H6.06.07.09].** Hằng năm không có đề tài nghiên cứu nào bị thanh lý do chậm tiến độ. Khoa GDTC-QP và Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các GV từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy để phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- GV luôn xem NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người GV. Kết quả thống kê cho thấy GV trong Khoa GDTC-QP đã tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Nhà nước và đã công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm.

- Giảng viên còn xuất bản giáo trình và viết tài liệu phục vụ đào tạo. Một số giảng viên có thành tích NCKH xuất sắc đã được Tỉnh Bình Định công nhận *"Trí thức tiêu biểu về Khoa học & Công nghệ tỉnh Bình Định năm 2018"*.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế. Khoa chưa có đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài.

- Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Khoa GDTC-QP sẽ tiếp tục thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp nhà nước; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản sách chuyên khảo, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI.

Từ năm học 2020 - 2021, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Cùng với Trường ĐHQN, Khoa GDTC-QP đã luôn nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong giảng dạy, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng về thành tích NCKH.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Năng lực của đội ngũ giảng viên, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành cử nhân GDTC đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

1. Mở đầu

Trong trường Đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng

đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai.

Trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng **[H7.07.01.01]**, từ đó thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ viên chức nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* **[H7.07.01.02]**. Đồng thời, Nhà trường cũng có các chế độ đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: thu nhập tăng thêm, tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo, chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... được quy đinh chi tiết trong *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN* **[H7.07.01.03].**

Trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động của Thư viện theo hướng hiện đại **[H7.07.01.04]**, đội ngũ nhân viên của Thư viện hiện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong toàn trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng **[H7.07.01.05], [H7.07.01.06]**. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viên còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày hội sách (dành cho bạn đọc trong Trường và trên

địa bàn tỉnh Bình Định); tổ chức triển lãm sách (nhân ngày Sách Việt Nam), Hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest**... [H7.07.01.07]**.

Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa GDTC-QP có 01 thư ký, 01 trợ lý giáo vụ và 01 chuyên viên quản lý kho dụng cụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Khoa như: triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo các hệ đào tạo hàng năm của khoa đến sinh viên; quản lý điểm, vào điểm và công bố điểm thi các học phần; quản lý đăng ký học kỳ, học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH sinh viên; tham gia thực hiện đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, khen thưởng và kỷ luật sinh viên theo học kỳ và năm; giải đáp thắc mắc của sinh viên...; Tham gia thực hiện công tác bảo dưỡng, bảo trì, quản lý cơ sở vật chất trong đơn vị; cung cấp, bảo quản và sửa chữa các dụng cụ phục vụ cho nhu cầu học tập và rèn luyện của cán bộ giảng viên và sinh viên. Trong những năm qua đội ngũ này đã thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, và nghiên cứu giảng viên, học viên và sinh viên **[H7.07.01.08]**.

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: các Phòng ban (HCTH, KHTC, TTr-PC, KT&BĐCL,...), Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác **[H7.07.01.09], [H7.07.01.10]**. Theo kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Nhà trường cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.01.11]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa GDTC-QP có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

- Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý.

Chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ giảng viên và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***5.* Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa GDTC-QP rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN* và *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN* **[H7.07.02.01], [H7.07.02.02]**. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Bên cạnh đó, các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai trên website của Nhà trường **[H7.07.02.03]**.

Hằng năm, căn cứ chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các đơn vị, Nhà trường xây dựng và thông báo

công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường, Khoa... **[H7.07.02.04], [H7.07.02.05]**. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số **[H7.07.02.06]**. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch **[H7.07.02.07].** Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường **[H7.07.02.08].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN* **[H7.07.03.01]**. Hằng năm, căn cứ vào *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN* và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức, các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H7.07.03.02], [H7.07.03.03]**.

Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến **[H7.07.03.04]**. Bên cạnh đó, quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đơn vị xem xét thông qua kết quả khảo sát ý sự hài lòng của giảng viên và sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên **[H7.07.03.05]**. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận **[H7.07.03.06]**.

Hiện nay Khoa GDTC-QP có có 01 thư ký, 01 trợ lý giáo vụ và 01 chuyên viên quản lý kho dụng cụ, đều có trình độ từ đại học trở lên. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa GDTC-QP hằng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khoa GDTC-QP và Nhà trường giao cho **[H7.07.03.07]**.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa GDTC-QP nói riêng được thực hiện thường xuyên hằng năm.

- Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng của đội ngũ CB, GV và nhân viên. Trong những năm qua, Trường ĐHQN luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên nhằm đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* với các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan **[H7.07.04.01]**. Căn cứ báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường đã xác định rõ nhu cầu cho năm tiếp theo, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch, phân bổ kinh phí.

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường **[H7.07.04.02]**. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước **[H7.07.04.03]**, **[H7.07.04.04]**.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ 2014-2019, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN*. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, hội nghị khoa học ... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H7.07.04.05]**, **[H7.07.04.06]**.

2. Điểm mạnh

- Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

- Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành GDTC.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường đã ban hành các văn bản: *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức* và *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN* làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.* Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể **[H7.07.05.01]**. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét

nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.02]**.

Cụ thể, hằng năm dựa trên khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên đã được xác định và phân công phù hợp, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên theo kế hoạch công tác **[H7.07.05.03]**. Trên cơ sở đó, hàng tháng Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác và báo cáo Nhà trường bằng văn bản hoặc qua các cuộc họp giao ban **[H7.07.05.04]**. Mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao.

Kết thúc mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của Nhà trường, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen trưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua **[H7.07.05.05]**, **[H7.07.05.06]**, **[H7.07.05.07]**.

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng lương trước hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.02]**. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trước khi được ban hành đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn trường bằng văn bản do Phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến trực tiếp của cán bộ viên chức thông qua các Hội nghị Viên chức – Người lao động hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung **[H7.07.05.08]**.

2. Điểm mạnh

- Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

- Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa GDTC-QP đảm bảo về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định của Nhà trường, được công bố công khai, minh bạch. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa nói riêng hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường và của Khoa. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Giáo dục thể chất đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Khoa GDTC-QP trường ĐHQN đã chính thức đào tạo sinh viên chuyên ngành GDTC trình độ đại học từ năm 2003 theo hình thức niên chế. Bắt đầu từ năm học 2009-

2010, Trường ĐHQN đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đây là giai đoạn mà nhiều trường đại học khác trong nước có sự thay đổi và cạnh tranh lớn về số lượng cũng như chất lượng của người học. Vì vậy, Nhà trường và Khoa GDTC-QP buộc phải xây dựng lại chính sách tuyển sinh cho phù hợp, rõ ràng, và đã đưa ra các phương pháp xét tuyển công khai. Bên cạnh đó trong quá trình đào tạo nhà trường đã thiết lập hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội tích cực, làm cho cảnh quan xung quanh đẹp và tiện ích hơn. Từ đó nâng cao chất lượng người học, hoạt động hỗ trợ người học và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường nói chung và của Khoa GDTC-QP nói riêng.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

SV ngành GDTC của Khoa GDTC-QP được tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT **[H8.08.01.01]**. Hình thức, chỉ tiêu và quy trình xét tuyển luôn được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết thông qua các đề án tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.01.02]**. Các thông tin xét tuyển được cập nhật và công bố công khai trong các thông báo, kế hoạch tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường, trên website của Trường, của Khoa, trên cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Bộ GD&ĐT và dán tại các bảng tin trong Trường **[H8.08.01.03]**, **[H8.08.01.04]**, **[H8.08.01.05]**, **[H8.08.01.06]**, **[H8.08.01.07]**.

Ngoài ra, thông qua Kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trong tỉnh Bình Định và các vùng lân cận, Ban tư vấn tuyển sinh của Trường phối hợp với Khoa cung cấp cho học sinh đầy đủ các thông tin về chính sách tuyển sinh của ngành GDTC **[H8.08.01.08]**. Đồng thời, hằng năm, Trường phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại Trường ĐHQN dưới hình thức ngày hội tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển **[H8.08.01.09]**. Chính sách tuyển sinh ngành GDTC được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có sự góp ý của các bên liên quan, dựa trên báo cáo phân tích dự báo nhu cầu nhân lực **[H8.08.01.10]**, **[H8.08.01.11]**.

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 05 năm qua, Khoa GDTC-QP đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng sinh viên theo học như sau:

Bảng 8.1.1. *Tình hình tuyển sinh của Khoa GDTC-QP trong 05 năm học gần đây*

Năm học	Số lượng được tuyển
2015 – 2016	30
2016 – 2017	35
2017– 2018	29
2018 – 2019	15
2019 – 2020	12

Bảng 8.1.2. *Số lượng sinh viên Khoa GDTC-QP trong 05 năm học gần đây*

Năm học	Người học				Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	
2015 – 2016	30	45	61	75	211
2016 – 2017	35	30	45	58	168
2017– 2018	29	34	29	45	137
2018 – 2019	15	29	29	28	101
2019 – 2020	12	15	24	28	79

Các bảng số liệu trên cho thấy tổng số sinh viên của Khoa GDTC-QP giảm dần trong 05 năm gần đây theo lộ trình giảm dần chỉ tiêu ngành Sư phạm của Bộ GD&ĐT.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Khoa GDTC-QP luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa GDTC-QP và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Số lượng học sinh đăng ký và trúng tuyển ngành GDTC giảm do quy chế tuyển sinh và sự phân bổ về chỉ tiêu đối với các ngành sư phạm của Bộ GD&ĐT.

Hình thức quảng bá tuyển sinh Khoa chưa thu hút được nhiều thí sinh yêu thích ngành GDTC vào học tại Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi giảng viên trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về Khoa. (3) Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh năng khiếu và đam mê thể thao vào học ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Đối với Trường ĐHQN nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng, việc tuyển chọn người học được xác định là một khâu rất quan trọng góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể và với những phương pháp tuyển chọn hợp lý, khoa học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được cập nhật sửa đổi thường niên.

Từ năm học 2017-2018 trở về trước, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Khoa được đưa ra dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT: Ngành GDTC tuyển sinh các thí sinh có điểm trung bình 2 môn Toán và Sinh là 13 điểm, đây là tiêu chí rất cao đối với chuyên ngành GDTC. Vì vậy rất khó khăn trong công tác tuyển sinh của Khoa.

Từ năm học 2018-2019, trên cơ sở yêu cầu của thị trường sử dụng lao động, các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật và sửa đổi theo đề xuất của Khoa. Gần đây nhất, công tác tuyển sinh ngành GDTC của Khoa được thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của Nhà trường, Đề án tuyển sinh **[H8.08.02.01]**. Trong đề án đó, Nhà trường đã bổ sung nhiều phương pháp xét tuyển người học như dựa trên kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển dựa vào học bạ THPT. Đối với ngành GDTC, thí sinh được xét tuyển dựa theo kết quả của 04 tổ hợp môn xét tuyển: T00 (Toán-Sinh học-Năng khiếu TDTT), T02 (Toán-Ngữ văn-Năng khiếu TDTT), T03 (Ngữ văn-Sinh học-Năng khiếu TDTT), T05 (Ngữ văn-Giáo dục công dân-Năng khiếu TDTT). Về xét học bạ, đối với ngành GDTC thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng

đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,0 trở lên.

Ngoài ra, Nhà trường cũng có thêm hình thức xét tuyển thẳng cho ngành GDTC đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi thể thao cấp quốc gia và quốc tế **[H8.08.02.02]**.

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, Khoa GDTC-QP đã tuyển được thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào **[H8.08.02.03]**.

Hằng năm, dữ liệu tuyển sinh của Khoa GDTC-QP luôn được lưu trữ tại Phòng Đào tạo Đại học của Nhà trường **[H8.08.02.05]**. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban tuyển sinh của Trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho năm sau **[H8.08.02.01]**. Ban tư vấn tuyển sinh của Trường cũng tiến hành phân tích xu hướng người học và dự báo tình hình tuyển sinh để tư vấn cho các năm sau. Trên cơ sở đó, tiêu chí và phương pháp tuyển người học sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên **[H8.08.02.06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai đến người học. Kết quả thi tuyển khách quan, chính xác.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành GDTC yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: Đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào Khoa một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp

kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên. Công tác giám sát được thực hiện bởi sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa GDTC với các phòng chức năng trong Trường.

Về học tập, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và Đề cương chi tiết của từng học phần do Nhà trường ban hành **[H8.08.03.01]**, **[H8.08.03.02]**. Cụ thể, điểm đánh giá của mỗi học phần là trung bình của của 3 hình thức đánh giá: điểm chuyên cần (trọng số 10%), điểm quá trình (trọng số 30%) và điểm cuối kỳ (trọng số 60%). Theo cách đánh giá, sinh viên sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi chính các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần. Hơn nữa, với việc tổ chức thi kết thúc học phần nghiêm túc và khoa học của Trường ĐHQN, điểm thi cuối kỳ của sinh viên được đánh giá khách quan và chính xác **[H8.08.03.03]**. Hệ thống giám sát, đánh giá phù hợp như trên đã tạo cho sinh viên thói quen học tập chăm chỉ, trung thực và nghiêm túc.

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của sinh viên được đánh giá thông qua kết quả học tập và các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và hoạt động NCKH sinh viên trong Trường. Kết quả rèn luyện được đánh giá theo từng học kỳ cũng như cuối khóa học và theo đúng quy định của Nhà trường **[H8.08.03.04]**. Hơn nữa, để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH, Nhà trường đã dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động này **[H8.08.03.05]**. Điều này đã góp phần thúc đẩy sinh viên có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên, Khoa GDTC-QP và Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý điểm của sinh viên, đồng thời thành lập một đội ngũ Cố vấn học tập làm công tác kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn sinh viên trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.06]**. Mỗi tháng, Cố vấn học tập được quy định gặp lớp sinh viên mình phụ trách một lần để thông báo các

nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**. Do đó, Cố vấn học tập luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng sinh viên trong tháng. Từ đó, phối hợp với Khoa và Nhà trường đưa ra các biện pháp phù hợp để giúp đỡ sinh viên tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Công tác chính trị và Sinh viên cung cấp cho Khoa, Cố vấn học tập, và sinh viên bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi sinh viên, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần **[H8.08.03.09]**, **[H8.08.03.10]**, **[H8.08.03.11]**. Điều này sẽ giúp sinh viên nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các cố vấn học tập, sinh viên sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn.

Cố vấn học tập phối hợp với Trợ lý đào tạo cung cấp cho sinh viên thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp sinh viên lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định **[H8.08.03.07]**. Sự phân bổ các học phần theo học kỳ đảm bảo sinh viên có học lực trung bình có thể hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Trên cơ sở Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Quy định đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHQN, Khung CTĐT và kết quả học tập của sinh viên ngành GDTC, Nhà trường cùng với Khoa GDTC-QP và Cố vấn học tập sẽ xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với sinh viên có điểm học tập và rèn luyện dưới mức quy định **[H8.08.03.01]**, **[H8.08.03.12]**, **[H8.08.03.13]**. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được Khoa GDTC-QP, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị và Sinh viên và Cố vấn học tập thông báo kịp thời cho sinh viên và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên qua mỗi học kỳ.

Bảng 8.3.1. *Tỷ lệ sinh viên ngành GDTC tốt nghiệp trong 5 năm gần đây*

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng sinh viên hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)
2015-2016	90	73	81.1

2016-2017	81	72	88.9
2017-2018	68	63	92.6
2018-2019	47	40	85.1
2019-2020	30	28	93.3

Bảng số liệu trên cho thấy rằng tỷ lệ sinh viên của ngành GDTC hoàn thành CTĐT qua từng năm học là rất cao.

2. Điểm mạnh

- CTĐT có tỷ lệ phù hợp giữa các khối kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP. Phân bố thời gian giảng dạy học tập các học phần hợp lý. Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

- Đội ngũ Cố vấn học tập của Khoa GDTC-QP là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học khi cần thiết.

- Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học để có thể nhắc nhở, động viên giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

- Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học.

- Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Đề xuất Nhà trường cân đối lại CTĐT sao cho phù hợp, từ đó tạo khí thế học tập tốt hơn cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

Hằng năm, Khoa GDTC sẽ thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đến người học.

Đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của sinh viên tại Trường ĐHQN.

Ngay từ lúc mới nhập học, sinh viên đã được Nhà trường và Khoa tổ chức đón tiếp và tư vấn rất chu đáo về các thủ tục nhập học, thông tin tổng quan về Trường và Khoa, về CTĐT, Quy định và Quy chế đào tạo, phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới thông qua Phương hướng, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, Kế hoạch đón tiếp sinh viên đầu khóa của Nhà trường và của Khoa GDTC-QP, Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Nhà trường và Kế hoạch gặp mặt sinh viên đầu năm của Khoa GDTC-QP **[H8.08.04.01]**, **[H8.08.04.02]**, **[H8.08.04.03]**, **[H8.08.04.04]**, **[H8.08.04.05]**.

Hằng năm, Trường và Khoa giao nhiệm vụ cho các cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho sinh viên, phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Công tác cố vấn học tập được phân công và triển khai ngay từ đầu các năm học **[H8.08.04.06]**. Cố vấn học tập là những giảng viên có kinh nghiệm, hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập... **[H8.08.04.07].** Định kì 01 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến sinh viên tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học **[H8.08.04.08]**, **[H8.08.04.09]**. Giữa mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học **[H8.08.04.01]**, **[H8.08.04.10]**, **[H8.08.04.11]**. Ngoài ra, thông qua các hòm thư góp ý, sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Trong quá trình học tập ở các năm cuối, sinh viên luôn được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp, thông tin về học bổng, du học và sinh viên luôn được tư vấn và hỗ trợ trong việc lựa chọn các học phần tự chọn theo hướng chuyên ngành **[H8.08.04.07]**, **[H8.08.04.12]**. Trong năm học cuối, sinh viên ngành GDTC sẽ được bố trí thực tập sư phạm tại các trường THPT ở tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận. Trong quá trình thực tập sư phạm, Khoa sẽ cử giảng viên có kinh nghiệm để hỗ trợ, tư vấn và kiểm tra tình hình thực tập sư phạm của sinh viên **[H8.08.04.13]**, **[H8.08.04.14]**. Thông qua hoạt động thực tập sư phạm, sinh viên sẽ được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, và học hỏi được nhiều kỹ năng quan trọng liên quan đến nghề nghiệp sau này. Cũng trong năm học cuối này, 20% sinh viên khá giỏi sẽ được xét và hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp theo Quy định đào tạo của Trường ĐHQN. Trong 06 tháng làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được tiếp xúc và tập làm nghiên cứu với các giảng viên giàu kinh nghiệm nghiên cứu, bước đầu giúp các em có những kỹ năng và niềm đam mê trong nghiên cứu khoa học **[H8.08.04.15]**.

Bên cạnh các hoạt động học tập theo chương trình đào đạo, sinh viên Khoa GDTC còn được tham dự các giải TDTT do tỉnh và quốc gia tổ chức hàng năm; Năm 2017, 2019 khoa đã có sinh viên tham dự Seagame 29, 30 tại Malaysia, Philippin và đạt thành thích 1 huy chương bac, 1 huy chương đồng **[H8.08.04.17]**. Đây được xem là những hoạt động thường niên có hiệu quả của Khoa trong việc tìm kiếm và bồi dưỡng các sinh viên có năng khiếu TDTT.

Nhà trường đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp **[H8.08.04.18]**, **[H8.08.04.19]**. Thông qua trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho sinh viên những vị trí và cơ hội việc làm **[H8.08.04.20]**, **[H8.08.04.21]**. Ngoài các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, thực tập thực tế, tìm kiếm việc làm, sinh viên còn được tham gia các cuộc thi do Hội sinh viên, Đoàn thanh niên tổ chức. Các hoạt động ngoại khóa đã tập hợp được đông đảo sinh viên tham gia, tạo ra những sân chơi bổ ích cho sinh viên **[H8.08.04.22]**, **[H8.08.04.23]**. Từ đó làm tăng cơ hội tiếp xúc và định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp cho người học.

Ngoài ra, sinh viên ngành GDTC luôn có cơ hội được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các Câu lạc bộ, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức. Với phương

châm hoạt động tích cực, lành mạnh, sáng tạo và thiết thực, các hoạt động ngoại khóa, sân chơi bổ ích giúp người học hình thành những kĩ năng cần thiết cho học tập cũng như cho nghề nghiệp khi ra trường đã thu hút được đông đảo người học tham gia **[H8.08.04.24]**.

2. Điểm mạnh

- Trợ lý Khoa, cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập sư phạm.

- Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kĩ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

- Nhà trường, Khoa đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

- Sinh viên chưa chủ động trong việc tiếp cận giảng viên để làm nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên còn thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

- Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Để cải tiến những tồn tại nêu trên, trong năm học 2020-2021, Ban chủ nhiệm Khoa cùng với các cố vấn học tập và các trợ lý của Khoa thực hiện các giải pháp sau: Tăng cường khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài; tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho sinh viên các ngành sư phạm; Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập sư phạm để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Khuôn viên của Trường ĐHQN gồm có các khu vực: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá sinh viên và Khu thư viện. Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, hội trường và nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên của Trường nhằm tạo sự thuận tiện cho sinh viên khi di chuyển trong khuôn viên Trường **[H8.08.05.01]**, **[H8.08.05.02]**, **[H8.08.05.03]**.

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường luôn được quan tâm cải tạo và xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cán bộ, GV và SV toàn trường. Các giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao luôn được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện của Trường được trang bị nhiều sách giáo trình và tài liệu phục vụ người học. Nhà trường hiện có 6 khu Ký túc xá sinh viên có sức chứa hơn 3000 chỗ ở, được trang bị wi-fi, nước máy và luôn đảm bảo tốt vấn đề an ninh. Các dịch vụ giữ xe, nhà ăn, căn tin, văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện lợi cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt.

Trường ĐHQN đã ban hành Quy tắc ứng xử trong Nhà trường, trong đó nhấn mạnh đến quan hệ ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong Nhà trường; quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm, cởi mở, trung thực, văn minh trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo **[H8.08.05.04]**. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá **[H8.08.05.05]**, **[H8.08.05.06]**, **[H8.08.05.07]**. Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, giảng viên Khoa GDTC-QP luôn nhiệt tình, thân thiện, chu đáo, từ đó kích thích sự đam mê tìm tòi trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. GV Khoa GDTC-QP luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của sinh viên, đồng thời luôn khuyến khích sinh viên độc lập suy nghĩ.

Khoa GDTC và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, các cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho sinh viên, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên trong Trường **[H8.08.05.08]**. Chẳng hạn, Giải bóng đá Liên chi Đoàn được tổ chức hằng năm thu hút sự ủng hộ và tham gia đông đảo của sinh viên trong Khoa.

Văn phòng Khoa GDTC-QP nằm ở tầng 11, nhà 15 tầng, một vị trí thoáng mát và đẹp. Có thể nhìn thấy trực tiếp từ Văn phòng Khoa GDTC toàn bộ cảnh quan bờ biển dài và công viên với nhiều cây xanh ở phía trước cổng Trường. Cảnh quan này tạo không khí thoải mái và dễ chịu cho sinh viên và khách đến liên hệ làm việc với Khoa GDTC-QP.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Trường ĐHQN duy trì tổ chức các hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học **[H8.08.05.09]**, **[H8.08.05.10]**.Trường cũng tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các sinh viên nữ **[H8.08.05.11]**.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong Trường cũng được chú trọng và thường xuyên quan tâm **[H8.08.05.12]**. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư **[H8.08.05.13]**, **[H8.08.05.14]**, **[H8.08.05.15]**. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc **[H8.08.05.16]**, **[H8.08.05.17]**.

2. Điểm mạnh

- Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, Trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học.

- Môi trường học tập có cảnh quan sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho người học.

- Vấn đề y tế học đường và an toàn người học được đảm bảo.

- Khi học tập tại Khoa GDTC-QP, sinh viên sẽ thấu hiểu tầm quan trọng của sự tôn trọng tính chủ thể, chấp nhận sự khác biệt, quyền tự quyết của mỗi cá nhân, không phân

biệt đối xử. Từ đó mối quan hệ, ứng xử giữa thầy-trò Khoa có sự mềm mại và linh hoạt, tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Không gian làm việc của Khoa GDTC còn chật hẹp, chỉ có văn phòng Khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ sinh viên, cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Khoa GDTC tiếp tục tuyên tuyền, phổ biến cho sinh viên ngành GDTC duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường. Đoàn thanh niên, Hội SV và Cố vấn học tập phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong SV, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp. Đồng thời, Khoa cũng sẽ phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Liên chi Hội sinh viên Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn như các cuộc thi sinh viên khỏe, thúc đẩy sinh viên đam mê học tập.

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn, tạo điều kiện môi trường thuận lợi để nâng cao hiệu quả làm việc của GV trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết liên quan đến học tập và các hoạt động khác.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa GDTC-QP xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHQN và thường xuyên được đánh giá. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được Nhà trường phối hợp với Khoa xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Trường ĐHQN đã có sự quan tâm và đầu tư thích đáng CSVC đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần

cho SV. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh sạch đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Đoàn thanh niên và Hội SV của Trường và Khoa đã có nhiều mô hình hiệu quả với nhiều hình thức tổ chức hoạt động phong phú, đa dạng thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tạo nhiều cơ hội cho người học được nâng cao kiến thức, kỹ năng khi tham gia thực tập, thực tế, tham gia các hoạt động ngoại khóa.

Tuy nhiên, do cơ hội việc làm của giáo viên mới ra trường còn thấp, khiến cho số lượng thí sinh thi và đăng ký xét tuyển vào học ở Khoa giảm. Khoa và Trường vẫn chưa có nhiều chiến lược hành động thu hút học sinh vào học tại Khoa.

Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được và các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa GDTC-QP.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đạt mức 5/7, 03 tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích sử dụng là 241.202m^2, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích 131.700m^2 tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích 109.502m^2 nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nhà trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện thể dục thể thao và trang thiết bị để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng… Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí; hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Quy Nhơn, Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo; các sân bóng, nhà tập luyện được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động TDTT.

Trong những năm gần đây, Nhà trường tập trung đầu tư, cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, khu làm việc hành chính, khu tập luyện thể dục thể thao…; chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, giảng viên, viên chức và người học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Khoa GDTC-QP được Nhà trường trang bị hệ thống phòng làm việc, nhà tập luyện đa năng, sân bãi với các điều kiện trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên của Khoa. Phòng làm việc chính của Khoa GDTC-QP được Nhà trường bố trí tại tầng 11 của tòa nhà hành chính 15 tầng **[H9.09.01.01]**. Văn phòng khoa được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc cho giảng viên, chuyên viên như: bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet và các thiết bị ánh sáng, nhiệt độ phù hợp để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn của Khoa **[H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].**

Trường ĐHQN có 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và nhà 4 tầng với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m^2, trong đó có 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi **[H9.09.01.06].** Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt thông gió, wireless internet,… đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên **[H9.09.01.07], [H9.09.01.08].** Sinh viên Khoa GDTC-QP sử dụng các phòng học ở giảng đường để học các học phần lý thuyết theo bố trí của phòng Đào tạo Đại học **[H9.09.01.09].**

Để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo của các khoa Nhà trường có đầu tư thiết kế lắp đặt 04 phòng hội thảo và 03 hội trường lớn được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và hệ thống internet **[H9.09.01.01], [H9.09.01.04], [H9.09.01.06].** Thư viện của Trường có 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, có 80 máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu

khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên và người học **[H9.09.01.02], [H9.09.01.04], [H9.09.01.06], [H9.09.01.10].**

Nhà tập luyện đa năng mà Nhà trường giao cho Khoa để tổ chức giảng dạy, tập luyện các môn thực hành TDTT cho sinh viên có diện tích sàn xây dựng 6.622 m2, gồm 2 tầng, có hệ thống ghế ngồi di động đảm bảo không gian tập luyện và thi đấu, sử dụng cho các môn bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá Futsan, bóng ném, cầu lông, bóng bàn, võ thuật… **[H9.09.01.11].** Sân tập luyện ngoài trời gồm có 01 sân bóng đá nhân tạo diện tích 3009 m2, 01 sân bóng đá công đoàn diện tích 6.118 m2, 01 sân bóng chuyền diện tích 554 m2, 01 tổ hợp sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông sau thư viện có diện tích 2040 m2 **[H9.09.01.12].**

Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học, sân bãi tập luyện và các phòng chức năng **[H9.09.01.13].** Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện … nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.01.14], [H9.09.01.15]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Khoa GDTC-QP có hệ thống sân bãi khang trang, hiện đại và có Nhà tập luyện đa năng với đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp, bổ sung kịp thời các trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ hoạt động đào tạo của Khoa.

3. Điểm tồn tại

- Khoa GDTC-QP chưa được Nhà trường đầu tư xây dựng hồ bơi để giảng dạy thực hành môn bơi lội cho sinh viên, nên phải thuê hồ bơi bên ngoài không đủ tiêu chuẩn về kích thước để giảng dạy.

- Khoa GDTC-QP chưa được bố phòng semina riêng cho từng tổ bộ môn, do đó giảng viên phải sử dụng Văn phòng Khoa để tổ chức sinh hoạt chuyên môn nên ảnh hưởng đến các hoạt động khác của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường xây dựng 01 hồ bơi kích thước 20m x 25m để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, giảng dạy của sinh viên và giảng viên. Đề nghị Nhà trường bố trí phòng seminar với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên; tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Thư viện của Trường ĐHQN có tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m^2, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Trung tâm có 01 phòng giáo trình và 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, trong đó bao gồm 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học [H9.09.02.01]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, internet; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên và học viên khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu **[H9.09.02.02]**.

Thư viện của Trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên và học viên **[H9.09.02.03]**. Giáo trình và tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí, tài liệu) luôn được bổ sung, cập nhật theo các văn bản đề xuất từ các đơn vị **[H9.09.02.04]**.

Những năm gần đây, Thư viện đã tổng hợp các dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện và các nguồn học liệu thông qua khảo sát bạn đọc **[H9.09.02.05]**. Trên cơ sở đó, Trung tâm đã đề xuất các biện pháp nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Trung tâm **[H9.09.02.06]**.

Hàng ngày, Thư viện mở của buổi sáng từ 7h00 đến 11:30, buổi chiều từ 13:30 đến 17:00, để cho giảng viên và sinh viên học tập và nghiên cứu **[H9.09.02.02]**. Ngoài ra, để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc trong sinh viên, năm 2015 và năm 2017, Trung tâm Thông tin tư liệu và Hội sinh viên đã phối hợp tổ chức "Ngày sách Việt Nam" **[H9.09.02.07].**

Để mở rộng nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên, từ năm 2016 thư viện Trường ĐH Quy Nhơn đã liên kết hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) **[H9.09.02.08]**.

Ngoài ra, Khoa GDTC-QP có một tủ sách Thanh niên được đặt ở văn phòng Khoa GDTC-QP dành cho giảng viên, sinh viên mượn đọc tham khảo, nguồn sách được các cán bộ giảng viên trong Khoa GDTC-QP sưu tầm và tặng cho Khoa bao gồm các loại sách báo, tạp chí khoa học về lĩnh vực TDTT, các đề tài khóa luận tốt nghiệp, đề tài thạc sỹ về lĩnh vực TDTT **[H9.09.02.09].**

2. Điểm mạnh

- Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV. Thư viện Trường ĐHQN đã tham gia vào hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử.

- Ngoài nguồn học liệu từ hệ thống thư viện, Khoa GDTC-QP còn có một tủ sách tham khảo đến từ nguồn đóng góp của giảng viên, sinh viên, đây là nguồn học liệu quý hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại.

- Nguồn học liệu về lĩnh vực TDTT của Khoa GDTC-QP còn hạn chế, đã cũ và đặc biệt thiếu học liệu tiếng nước ngoài, chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất với Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa thư viện và đổi mới phương thức khai thác nhằm thu hút người đọc đến với thư viện. Đồng thời, đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí mua những đầu sách mới xuất bản, những đầu sách tiếng nước ngoài để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực TDTT. Cán bộ, giảng viên Khoa GDTC-QP triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Sinh viên ngành GDTC được sử dụng 03 phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng. Mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của sinh viên **[H9.09.03.01], [H9.09.03.02]**. Các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học.

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành **[H9.09.03.03]**. Định kỳ, hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của sinh viên, giảng viên về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học **[H9.09.03.04], [H9.09.03.05]**, từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

Công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, là hoạt động cơ bản có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực giảng dạy các môn GDTC cho sinh viên. Nhà trường thiết kế, bố trí 02 phòng thực hành sư phạm giảng dạy lý thuyết tại Nhà A7, mỗi phòng có diện tích 60m^2 được trang bị đầy đủ các thiết bị: âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bảng, bàn, ghế phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và 02 phòng học thông minh với trang thiết bị hiện đại tại giảng đường A1 để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên **[H9.09.03.01]**. Về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giảng dạy thực hành các môn TDTT sinh viên được sử dụng nhà tập luyện đa năng với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực hành giảng dạy của sinh viên.

2. Điểm mạnh

- Các phòng thực hành tin học, phòng thực hành sư phạm, nhà tập luyện TDTT được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của sinh viên.

- Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Một số sân bãi tập luyện ngoài trời đang xuống cấp, làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường đầu tư nâng cấp, sữa chữa các sân tập luyện ngoài trời để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường bao gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phầm mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử… đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính tại nhà A7 và nhà 4 tầng với 715 máy, đảm bảo 100% sinh viên có máy tính để thực hành; 02 phòng máy tính tại Trung tâm Thông tin tư liệu với 60 máy phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của sinh viên, 308 máy tính tại các phòng làm việc của các khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc **[H9.09.04.01], [H9.09.04.02]**. Ngoài ra, các phòng học đều được trang bị máy chiếu, micro, loa để phục vụ hoạt động giảng dạy **[H9.09.04.03]**. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,…**[H9.09.04.04]**. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt **[H9.09.04.05]**. Quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi **[H9.09.04.06], [H9.09.04.07], [H9.09.04.08]**.

Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên **[H9.09.04.04]**. Toàn trường hiện đang sử dụng 02 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường **[H9.09.04.09]**; một đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung

cấp các dịch vụ như website, Thư viện hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH **[H9.09.04.09], [H9.09.04.10]**.

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường quyết tâm thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản **[H9.09.04.03], [H9.09.04.09], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12]**.

Hiện nay công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ đắc lực và rất quan trọng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên trong Nhà trường. Thông qua phần mềm quản lý đào tạo giảng viên có thể xem lịch giảng dạy, sinh viên có thể đăng ký học, xem điểm thi, nộp học phí qua hệ thống internet banking bằng tài khoản cá nhân mà nhà trường cấp cho các em ngay khi nhập học

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức **[H9.09.04.13]**. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả **[H9.09.04.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa GDTC-QP cũng xây dựng website của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên, và sinh viên **[H9.09.04.14]**.

Mỗi năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, giảng viên, sinh viên hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường **[H9.09.04.15]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho công nghệ thông tin, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Khi có sự cố về mạng internet, cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

- Nhà trường rất quan tâm đến việc cãi thiện nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu và học tập của sinh viên, hệ thống mạng wifi đươc phủ sóng toàn trường nên giảng viên, sinh viên có thể truy cập dễ dàng.

- Tất cả các khoa, phòng đều được trang bị phần mềm quản lý đào tạo như phần mềm quản lý sinh viên, phần mềm quản lý thi, phần mềm quản lý điểm và thường xuyên được cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa.

3. Điểm tồn tại

- Thông tin đăng tải trên trang website của Khoa còn hạn chế, chưa phong phú, hình ảnh chưa được quan tâm cập nhật thường xuyên.

- Nhà trường đã triển khai đề án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành. Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Khoa cử 01 cán bộ lãnh đạo và 01 chuyên viên phụ trách quản trị trang website của Khoa và có kế hoạch, chính sách khuyến khích, động viên giảng viên, sinh viên của Khoa viết tin, bài để đăng tải lên trang website của Khoa. Đồng thời, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường tiếp tục triển khai đề án dạy học trực tuyến, nâng cấp chất lượng truy cập WiFi ở một số khu vực còn yếu. Tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Trường ĐHQN là một cơ sở giáo dục có môi trường xanh - sạch - đẹp và an toàn. Trường ĐHQN đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm…**[H9.09.05.01]**. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều có các bảng nội quy, quy định **[H9.09.05.02]**. Những văn bản này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan **[H9.09.05.03]**.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ **[H9.09.05.04].**

Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; và hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại **[H9.09.05.05]**.

Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên **[H9.09.05.06]**.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin, nhà ăn tập thể theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế **[H9.09.05.07]**; hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá để phòng tránh các dịch bệnh **[H9.09.05.08]**.

An ninh trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và cán bộ, giảng viên **[H9.09.05.09]**. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường **[H9.09.05.10].**

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, giảng viên, viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa **[H9.09.05.11]**.

Nhà Trường đặc biệt quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, các khu giảng đường, nhà tập đa năng đều có thiết kế lối đi cho người khuyết tật, có chính sách miễn hoặc chuyển đổi hình thức thi thực hành TDTT, các môn học phù hợp với đặc thù của sinh viên khuyết tật **[H9.09.05.12]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên.

- Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên; phun thuốc diệt khuẩn phòng dịch toàn khuôn viên trường.

3. Điểm tồn tại

- Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh.

- Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV. Đồng thời, Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Khoa GDTC-QP phát động đoàn viên thanh niên của Khoa và đề xuất với Nhà trường đầu tư trồng thêm các loại cây xanh ở những khu vực còn thiếu.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Khoa GDTC-QP được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành GDTC. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, sân bãi, nhà tập luyện TDTT của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành GDTC. Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, sách giáo khoa, tập bài giảng về lĩnh vực TDTT. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, thực hành sư phạm với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu

lông … thuận lợi cho sinh viên học tập và cho cán bộ giảng viên rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Việc nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo môi trường đào tạo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, Khoa GDTC-QP đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTĐT dựa trên các quy trình do Bộ GD&ĐT và Trường ban hành, sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. CTĐT được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; được đánh giá và cải tiến dựa trên các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR và nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng chương trình đào tạo đại học theo chuẩn đầu ra, Nhà trường đã và đang tiến hành triển khai nhiều công việc nhằm phát triển chương trình dạy học, trong đó có việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan **[H10.10.01.01], [H10.10.01.02]**.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động là các sở GD&ĐT, các trường THPT, sinh viên đang học, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT ngành GDTC trình độ đại học. Khoa kết hợp với Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang và có tiềm năng sử dụng sinh viên tốt nghiệp/sắp tốt nghiệp của Khoa như các sở GD&ĐT, các trường THPT về CĐR và CTĐT. Ngoài ra, Khoa cũng thu thập các ý kiến phản hồi của sinh viên sắp tốt nghiệp,

cựu sinh viên Khoa GDTC-QP, đặc biệt là các ý kiến của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT để xây dựng và điều chỉnh CTĐT **[H10.10.01.03]**, **[H10.10.01.04]**, **[H10.10.01.05]**.

Ngoài ra, sau các đợt thực tập sư phạm của sinh viên tại các cơ sở giáo dục, Khoa đều họp tổng kết, trao đổi ý kiến trực tiếp với đại diện các sở GD&ĐT, các trường THPT là các cơ sở đã tiếp nhận, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa về các yêu cầu thực tế đối với CĐR và CTĐT của ngành GDTC để từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn **[H10.10.01.06]**.

Bên cạnh đó, Khoa còn thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị chuyên đề về giảng dạy; tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp giảng dạy và học tập bậc đại học để trao đổi về phương pháp dạy và học GDTC, trong đó sinh viên có thể nêu các câu hỏi và đóng góp ý kiến về chương trình **[H10.10.01.07]**.

Khoa GDTC-QP cũng xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên thông qua nhiều phương tiện: internet (website, facebook, …), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa hay các mối quan hệ xã hội khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về chương trình dạy học **[H10.10.01.08]**.

Từ những nguồn thông tin này, Khoa tổ chức các cuộc họp tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định CĐR **[H10.10.01.09]**, **[H10.10.01.10]**, **[H10.10.01.11]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học của Khoa GDTC-QP được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan.

- Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT nhờ có mạng lưới cựu sinh viên rộng lớn đang làm việc tại các nơi này. Do vậy việc liên hệ để thu thập thông tin sẽ dễ dàng hơn, khu vực lấy thông tin sẽ rộng và tăng phần khách quan hơn, ít cục bộ hơn.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà Trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa. Hơn nữa, kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tận dụng tối đa điểm mạnh của giảng viên trong Khoa để xây dựng kế hoạch cụ thể, bám sát kế hoạch của Nhà trường nhằm tạo sự chủ động hơn nữa trong thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTĐT của ngành GDTC được dựa xây dựng trên các quy trình và quy định mà Bộ GD&ĐT ban hành tại thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh. CTDH ngành GDTC đã được ban hành, sửa đổi và cải tiến nhiều lần trong những năm qua. Các thành phần cơ bản của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả người học.

Trong những năm qua, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành GDTC đã được Khoa thực hiện theo quy trình và quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN **[H10.10.02.01]**. Theo đó, chương trình dạy học được thiết kế và phát triển theo xu hướng và cách tiếp cận phát triển Giáo dục hướng đến CĐR – Outcomes - based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của chương trình dạy học: CTĐT đáp ứng CĐR - Phương thức dạy và học đáp ứng CĐR - Kiểm tra đánh giá người học đo lường mức độ đáp ứng CĐR. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học được Nhà trường/Khoa thiết lập: Từ yêu cầu của các tổ chức độc lập như: chính phủ (Luật Giáo dục...), các cơ quan quản lý nhà nước (quy chế, hướng dẫn...), các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức nghiên cứu... và yêu cầu, nhu cầu của Nhà trường, các giảng viên, đại diện các tổ chức sử dụng sinh viên tốt nghiệp, các cựu sinh viên, các sinh viên đang học, Khoa xác định CĐR của ngành đào tạo, thiết kế CTĐT dựa trên CĐR, thực hiện CTĐT và đánh giá CTĐT **[H10.10.02.02]**,

[H10.10.02.03].

Năm 2015, năm 2017, và năm 2020 Khoa GDTC-QP đã tiến hành tổ chức đánh giá, sửa đổi và cập nhật CTĐT ngành GDTC hệ đại học chính quy dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà trường **[H10.10.02.01]**. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường. Trước tiên, Khoa mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các sở GD&ĐT sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, điều chỉnh góp ý sửa đổi chương trình. Ngoài ra, các ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về CTĐT và sinh viên đang học về hoạt động giảng dạy các học phần cũng là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả của chương trình. Điều này được thể hiện trong Bản báo cáo đánh giá ngoài của Trường ĐHQN **[H10.10.02.03]**, **[H10.10.02.04]**.

Sau khi phân tích, đánh giá nhu cầu của các bên liên quan thông qua các các ý kiến phản hồi, Hội đồng khoa Khoa GDTC-QP họp thảo luận để thống nhất điều chỉnh, cập nhật, phát triển chương trình. Theo hướng dẫn của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các đề cương chi tiết cụ thể từng học phần, giáo trình đáp ứng CĐR. Trên cơ sở CĐR của CTĐT, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CĐR trong việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần, giáo trình đáp ứng CĐR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT **[H10.10.02.05]**, **[H10.10.02.06]**. Sau khi thẩm định, Khoa tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau khi điều chỉnh **[H10.10.02.01].**

Hàng năm theo thông báo của Nhà trường về biên soạn giáo trình, theo quy định chung về giờ chuẩn giảng dạy của Nhà trường, Khoa cũng tiến hành lập danh sách và đề nghị các giảng viên tiến hành đăng ký viết giáo trình phù hợp với CĐR vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của sinh viên. Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT có sự đối sánh với các CTĐT chuyên ngành GDTC của các trường đại học có uy tín trong nước **[H10.10.02.07]**, **[H10.10.02.08]**.

Trong quá trình thực hiện CTĐT chương trình dạy học, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên và các bên liên quan về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm

đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát sinh viên về CTĐT trong những năm qua cho thấy phần lớn sinh viên của Khoa hài lòng về CTĐT cũng như sự đổi mới liên tục của chương trình dạy học đáp ứng kịp thời với nhu cầu xã hội **[H10.10.02.09]**, **[H10.10.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước.

Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và sự thay đổi của Chương trình giáo dục phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa GDTC-QP sẽ triển khai cho các Bộ môn và đề xuất với Nhà trường biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng. Hơn nữa, Khoa cũng tập trung phát triển một số tập bài giảng thành giáo trình. Đồng thời, việc cải tiến CTDH sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của Hội đồng Khoa. Khoa tăng cường đăng ký dịch các giáo trình của một số trường đại học ở nước ngoài nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHQN nói chung và đào tạo ngành GDTC nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ

đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV.

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra. Các lần kiểm tra trong một học kỳ gồm 3 thành phần: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập thực hành, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tự luận, vấn đáp... và được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đó. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHQN [**H10.10.03.01**].

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có bảng Kế hoạch năm học chung cho cả trường giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa kết hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để sinh viên đăng ký tín chỉ và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký giảng viên phụ trách các học phần **[H10.10.03.02]**. Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo quy định. Kết thúc mỗi kỳ thi, Nhà trường có tổ chức họp tổng kết, đánh giá tất cả các vấn đề liên quan đến kỳ thi như khâu tổ chức coi thi, ra đề, in sao đề thi, chấm thi... để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên phù hợp hơn **[H10.10.03.03]**.

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Khoa triển khai và giám sát hoạt động dạy và học của GV và SV. Hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo hàng tháng thông qua các cuộc họp của bộ môn và được kiểm tra qua phiếu ghi giờ giảng **[H10.10.03.04].** GV cần giải trình nếu việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV không đúng theo kế hoạch để Khoa kịp thời điều chỉnh.

Quy trình đảm bảo chất lượng của kiểm tra, đánh giá được thực hiện ngay từ đầu vào của mỗi kỳ thi, từ hoạt động tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cho đến việc phát huy vai trò của cố vấn học tập trước mỗi kỳ thi qua các buổi sinh hoạt lớp cuối tháng **[H10.10.03.05]**.

Các hình thức đánh giá và thi cử được thực hiện đúng theo quy định về "*Đánh giá kết quả và thực hiện của các kỳ thi cuối khóa*". Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của sinh viên **[H10.10.03.06]**.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: đầu tiên, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng gửi đến Khoa danh sách và kế hoạch thi học phần (các môn tự luận), trong vòng 01 tuần, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi kèm đáp án có chữ ký của Trưởng bộ môn cho trợ lý Khoa. Sau đó, bộ phận này gửi đề thi và đáp án cho Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng để tổ chức thi cho sinh viên. Lịch chấm thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, giảng viên chấm thi vào nộp điểm cho bộ phận đào tạo của Khoa **[H10.10.03.07]**, **[H10.10.03.08]**.

Về quy trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp (khóa luận tốt nghiệp): đầu năm thứ 4, sinh viên được thông báo danh sách các sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp (gồm 20% sinh viên có điểm cao nhất lớp và điểm trung bình cộng học tập không dưới 7.0/10). Sau đó, thông báo danh sách giảng viên hướng dẫn để sinh viên liên hệ và giao đề tài. Đến thời gian bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, Khoa tiến hành các bước sau: (1) thông báo cho giảng viên và sinh viên trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp; (2) phân công giảng viên phản biện cho khóa luận của sinh viên; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và gửi đến các giảng viên phản biện, giảng viên hướng dẫn để viết nhận xét khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu các giảng viên hướng dẫn nộp nhận xét về sinh viên thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp*;* (5) bộ phận đào tạo tổng hợp điểm của các khóa luận; (6) Ngay sau mỗi hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng họp và cho điểm khóa luận tốt nghiệp ngay; (7) ngay sau khi mọi hội đồng chấm điểm xong, các hội đồng chấm khóa luận họp lại lần nữa (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của sinh viên và cuối cùng (8) thông báo ngay điểm khóa luận cho sinh viên **[H10.10.03.09]**.

Quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập tại Khoa còn được xem xét, đánh giá qua các ý kiến phản hồi hằng năm của sinh viên năm cuối về CTĐT vào cuối mỗi năm học. Từ đó, Nhà trường và Khoa đưa ra những quyết định khen thưởng phù hợp để

động viên, khích lệ tinh thần của giảng viên và sinh viên, từ đó làm động lực phát huy hơn nữa năng lực dạy của giảng viên và học của sinh viên toàn Khoa **[H10.10.03.10]**.

2. Điểm mạnh

- Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thương xuyên theo từng học kỳ.

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên tuy được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhưng chưa thu thập được ý kiến đánh giá đối với 100% học phần. Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến sinh viên; Các cố vấn học tập các lớp, Phòng công tác sinh viên tăng cường việc nâng cao ý thức của sinh viên trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Khoa tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn, đặc biệt là các giảng viên trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CĐR; Tiếp tục rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học và việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Giảng dạy và NCKH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục đào tạo 2015 - 2020, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và đã ban hành văn bản Quy định "Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN" **[H10.10.04.01], [H10.10.04.03]**. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Nhiều GV là chủ nhiệm đề tài cấp Tỉnh, cấp Trường... **[H10.10.04.02]**. Trong đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của Khoa luôn gắn kết với nhiệm vụ đào tạo. Phần lớn các đề tài KH&CN cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa **[H10.10.04.02]**, **[H10.10.04.05].**

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành GDTC rất chủ động trong hoạt động NCKH. Hoạt động NCKH của GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH…GV Khoa GDTC-QP thường xuyên công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước, số lượng bài báo khoa học liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Tính bình quân từ 2015 đến nay, các GV của Khoa đã công bố gần 25 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước **[H10.10.04.02]**. Nhiều giảng viên của Khoa đã tham gia và chủ trì nhiều đề tài NCKH các cấp (Trường, Tỉnh,…) **[H10.10.04.02]**. Trong các đề tài KHCN cấp trường có nhiều đề tài được Khoa đưa vào ứng dụng trực tiếp trong hoạt động dạy và học của ngành GDTC. Nội dung các công trình nghiên cứu này đều phục vụ tốt cho công việc nghiên cứu mà đặc biệt là giảng dạy các chuyên đề bổ ích cho sinh viên, hướng dẫn các đề tài NCKH sinh viên hay các khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên **[H10.10.04.05]**.

Bảng 10.4.4. Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong hoạt động dạy và học

TT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Ứng dụng
1	Xây dựng hệ thống bài tập chuyên môn trong giảng dạy kỹ thuật bơi trườn sấp cho nam sinh viên khoa	2015	Hệ thống bài tập chuyên môn kỹ thuật bơi trườn sấp đã được sử dụng trong

	GDTC-QP Trường Đại học Quy Nhơn		giảng dạy cho SV ngành GDTC góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy
2	Biện pháp quản lý hoạt động tự học đối với sinh viên khoa GDTC-QP trường Đại học Quy Nhơn	2016	Kết quả nghiên cứu được bổ sung vào quản lý hoạt động tự học đối với SV khoa GDTC - QP
3	Nghiên cứu một số giải pháp phát triển thể lực chung nhằm nâng cao kết quả học tập thực hành kỹ thuật các môn thể thao trong chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Quy Nhơn	2017	Kết quả nghiên cứu phát triển thể lực chung nhằm nâng cao kết quả học tập thực hành kỹ thuật các môn thể thao trong chương trình đào tạo cho SV ngành GDTC
4	Nghiên cứu lựa chọn các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong môn Bóng ném cho nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Quy Nhơn	2018	Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần nâng cao chất lượng học tập môn bóng ném của sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất.
5	Nghiên cứu hệ thống bài tập triển sức mạnh tốc độ môn bóng đá cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất, trường Đại học Quy Nhơn	2019	Kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong thực tiễn huấn luyện thể lực chuyên môn trong bóng đá cho SV ngành GDTC

Ngoài ra, trong những năm qua nhiều cán bộ của Khoa tham gia viết và xuất bản giáo trình phục vụ đào tạo và đã được Nhà trường đưa vào sử dụng trong trường **[H10.10.04.04]**. Với thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc, cán bộ của Khoa đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định tôn vinh *"Trí thức tiêu biểu về khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định"* năm 2018 **[H10.10.04.06]**.

Bên cạnh hoạt động NCKH của mình, GV của Khoa GDTC-QP còn tích cực khuyến khích, tạo điều kiện để người học tham gia hoạt động NCKH thông qua việc hướng dẫn SV tham gia NCKH SV các cấp. Hàng năm, Nhà trường thông báo SV đăng ký đề tài NCKH. Các đề tài NCKH được Khoa xét duyệt, phù hợp với chuyên ngành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc dạy và học các học phần chuyên ngành GDTC **[H10.10.04.07]**.

Ngoài ra, Khoa cũng đã tham gia tổ chức thành công các hội thảo chuyên ngành về GDTC. Cán bộ giảng viên của Khoa cũng tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo về GDTC nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy GDTC và hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước như đã nói ở đầu mục này **[H10.10.04.08]**, **[H10.10.04.09]**.

2. Điểm mạnh

- Khoa đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

- Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn chặt và phục vụ cho công tác đào tạo của CTĐT ngành GDTC. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành GDTC, thực tập thực tế của SV.

- Thông qua NCKH, sinh viên hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và giảng dạy GDTC ở phổ thông sau khi tốt nghiệp đại học.

3. Điểm tồn tại

- Các GV Khoa GDTC-QP ít có tham luận ở các hội thảo khoa học quốc tế; việc đăng bài trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế.

- Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hằng năm và chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo kết quả mới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa GDTC-QP sẽ yêu cầu các bộ chuyên môn thành lập các nhóm NCKH để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng. Khoa cũng sẽ ưu tiên cho các đề tài NCKH về Phương pháp giảng dạy để trau dồi thêm năng lực dạy học cho sinh viên.

Khuyến khích và tạo động lực để giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo quốc tế trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Khoa GDTC-QP tăng cường công tác NCKH của SV, khuyến khích SV đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ giảng viên và sinh viên, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ giảng viên và sinh viên. Hằng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo **[H10.10.05.01]**. Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Cơ sở vật chất của Khoa gắn liền với cơ sở vật chất của Nhà Trường (bao gồm nhà thi đấu, phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet,…). Từ năm 2016, Khoa GDTC-QP đã xây dựng tủ sách chuyên ngành cho GV và SV đặt tại Văn phòng Khoa với đầy đủ các sách chuyên ngành, trong đó chủ yếu là các sách dùng cho các học phần trong CTĐT. Từ 2016, Thư viện Trường ĐHQN đã kết nối với thư viện của một số trường đại học trong nước, đặc biệt với Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Cần Thơ và Thư viện quốc gia, để khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu và học tập của GV và SV **[H10.10.05.02]**.

Hằng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập **[H10.10.05.03]**. Bên cạnh đó, hằng tháng Nhà trường duy trì thường xuyên chế độ sinh hoạt lớp. Trong các buổi sinh hoạt lớp, các ý kiến phản hồi của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTCT

và SV sẽ tập hợp các ý kiến phản hồi của SV. Ngoài ra, thông qua các buổi làm việc giữa Lãnh đạo Khoa với các lớp trưởng, bí thư, chi hội trưởng các lớp, Khoa cũng tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường. Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của sinh viên **[H10.10.05.04]**.

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của sinh viên thông qua các Cố vấn học tập, Hội sinh viên và Đoàn thanh niên**.** Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở kí túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, của công tác cố vấn học tập,...) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của sinh viên và cảm nhận hài lòng của sinh viên về môi trường đại học nói chung, về Khoa GDTC-QP nói riêng. Nhìn chung, sinh viên của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao. Để phát huy vai trò của cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các cố vấn học tập ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với sinh viên (một lần/tháng), cố vấn học tập nên thường xuyên tiếp xúc với sinh viên trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình sinh viên kỹ hơn. Phần lớn các cán bộ trong khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho sinh viên mỗi khi các em có nhu cầu. Khoa và Nhà trường luôn tìm những nguồn học bổng trao cho các sinh viên có thành tích nổi bật nhằm khuyến khích các em phấn đấu hơn nữa trong học tập và công tác khác **[H10.10.05.03]**, **[H10.10.05.05]**.

2. Điểm mạnh

- Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của Trường ĐHQN.

- Hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng theo hướng hiện đại, cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và tiện tích cho GV và người học. Công tác lấy ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, giảng viên và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hằng năm, thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi, phần lớn là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

- Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Mặc dù thư viện đã có kho tư liệu rất lớn nhờ sự đầu tư kịp thời của Nhà trường để cập nhật kịp thời những tư liệu mới nhất, phù hợp với yêu cầu đào tạo; nhưng vì ngành đặc thù nên hiện tài liệu chuyên ngành GDTC còn ít, chưa phong phú về chủng loại, do vậy phần nào gây khó khăn về học tập của sinh viên, nhất là SV có xuất thân từ các vùng khó khăn trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Về tư liệu, các cán bộ của Khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để Khoa cập nhật. Khoa cũng đề nghị Nhà trường có cơ chế để tuyển chọn một số giáo trình tốt trên thế giới và đầu tư mua thêm sách chuyên ngành GDTC để giúp sinh viên tiếp cận được với các chương trình giáo dục hiện đại của thế giới, đồng thời đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự phát triển của Nhà trường, Phòng KT&BĐCL của Trường được thành lập theo Quyết định số 1301/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường ĐHQN ngày 23/10/2009 trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học. Phòng KT&BĐCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, Phòng KT&BĐCL là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CĐR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt

động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ chuyên viên và nhân viên; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp,… **[H10.10.06.01]**.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT và cấp Trường theo định kỳ. Nhà Trường thường xuyên thực hiện các hoạt động: khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của giảng viên; khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng CTĐT; khảo sát ý kiến của sinh viên mới tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT; khảo sát ý kiến người học về cơ sở vật chất và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo… **[H10.10.06.02]**, **[H10.10.06.03]**.

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức. Trước đây, việc khảo sát thông thường là phát phiếu hỏi. Tuy nhiên trong ba năm trở lại đây, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát E-survey, ngoài ra còn tiếp nhận thông tin phản hồi qua nhiều kên khác như email, điện thoại, facebook, …. **[H10.10.06.04]**.

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong văn bản *"Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN"* nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch **[H10.10.06.02].**

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành GDTC, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR… Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi cũng có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các

thông tin chuẩn xác nhất. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với CTĐT thông qua nhiều hoạt động khác nhau như: Hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp…**[H10.10.06.05]**.

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

- Hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình vận hành, phần mềm khảo sát online còn thể hiện nhiều hạn chế cùng với việc ý thức của sinh viên trong tham gia phả hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ở 100% học phần.

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường tích cực hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

Hằng năm, Khoa tổ chức Hội nghị trao đổi với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên và cựu sinh viên nhằm thu thập thông tin phản hồi, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình dạy học.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa GDTC-QP đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (1) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học trong nước và thế giới có thế mạnh về nghiên cứu và giảng dạy GDTC; (2) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (3) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới về GDTC trên thế giới (không quá 20% CTĐT); (4) thường xuyên ứng dụng các kết quả

nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên, sinh viên trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CĐR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí trong đó 04 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh CLĐT của Khoa, của Nhà trường. Việc đánh giá kết quả đầu ra của người học được thực hiện dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ khi tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp thông qua tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTC đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học, Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này **[H11.11.01.02]**. Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường tiến hành xét kết quả học tập, xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của SV, đặc biệt là tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp. Việc áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của SV giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao hơn **[H11.11.01.03]**. Từ các kết quả này, Nhà trường chỉ đạo các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, Cố vấn học tập tiến hành các biện pháp hỗ trợ người học, cải tiến chất lượng để giúp SV tiếp tục học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn và giảm tỉ lệ thôi học.

Khi hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của sinh viên được trích ra và được Trưởng Phòng Đào tạo Đại học đề nghị lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để Nhà trường ra quyết định tốt nghiệp cho sinh viên **[H11.11.01.04]**. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, và quyết định cảnh báo kết quả học tập cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho sinh viên **[H11.11.01.05].**

Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm **[H11.11.01.06]**. Cụ thể thông tin về số lượng sinh viên tốt nghiệp và số lượng sinh viên bỏ học của Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng trong 5 khóa gần đây (2015-2020) được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng người học hoàn thành CTĐT trong thời gian		Số lượng sinh viên thôi học			
		4 năm	Trên 4 năm	Năm 01	Năm 02	Năm 03	Năm 04 và tiếp theo
2014-2015	89	70	19	3	0	2	1
2015-2016	75	61	14	0	3	6	0
2016-2017	60	50	10	7	2	1	0

2017-2018	47	32	13	2	0	0	0
2018-2019	28	21	7	0	1	1	0
2019-2020	35	9		0	6	1	2

Bảng 11.1.1 cho thấy đa số sinh viên của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Một số ít sinh viên tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định của CTĐT. Tỷ lệ sinh viên thôi học của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số sinh viên của khóa học. Sinh viên thôi học chủ yếu là vào ba năm đầu tiên của khóa học. Nguyên nhân thôi học là do sinh viên không thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTĐT, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, hoặc do hoàn cảnh gia đình.

Từ đó, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là, đội ngũ Cố vấn học tập luôn quan tâm, giám sát sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng **[H11.11.01.07]**, quỹ sinh viên vượt khó của Khoa trao học bổng hằng năm cho sinh viên để khuyến khích và động viên người học kịp thời **[H11.11.01.08]**. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT **[H11.11.01.09]**. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập **[H11.11.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

Nhà trường duy trì cơ chế sinh hoạt lớp hàng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV. Các Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Hội sinh viên của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình sinh viên thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác, và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những sinh viên thôi học, Cố vấn học tập có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác..., trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn sinh viên phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

- Với những sinh viên tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CĐR như ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía sinh viên, vì đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải chủ động với kế hoạch học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban chủ nhiệm Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng chỉ đạo các Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên, tìm hiểu lý do thôi học của sinh viên để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho sinh viên khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của sinh viên, qua đó nhắc nhở sinh viên hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Cùng với việc giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học, Phòng Đào tạo Đại học cũng là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên **[H11.11.02.01]**. Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian được thiết kế cho những sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo trình độ đại học các ngành sư phạm được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm **[H11.11.02.02]**.

Từ năm 2010, Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ **[H11.11.02.02]**. Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên hằng năm **[H11.11.02.03]**. Số lượng thống kê và tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT cử nhân Giáo dục thể chất trong 5 năm học gần đây được cho trong bảng sau:

Bảng 11.2.1. Số lượng và tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng sinh viên hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)
2015-2016	90	73	81.1
2016-2017	81	72	88.9
2017-2018	68	63	92.6
2018-2019	47	40	85.1
2019-2020	30	28	93.3

Bảng 11.2.1 cho thấy, nhìn chung, tỷ lệ sinh viên của Khoa hoàn thành CTĐT là cao, đều ở mức trên 75%. Những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đều được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học **[H11.11.02.04]**. Riêng năm học 2019-2020, vì ảnh hưởng chung của tình hình dịch bệnh nên rất nhiều sinh viên bị ảnh hưởng đến kết quả học tập dẫn đến tỷ lệ tốt nghiệp không cao.

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, các Cố vấn học tập của Khoa đã tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của sinh viên và Nhà trường đã đề ra một số giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, như tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để sinh viên các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký **[H11.11.02.05]**.

Bảng 11.2.2. Các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn

TT	Lý do	Giải pháp	Cải thiện
1	SV chưa nắm rõ các yêu cầu của CTĐT và các CĐR	CVHT tăng cường gặp gỡ, tư vấn cho SV	SV hiểu rõ yêu cầu của CTĐT và chủ động chuẩn bị các chứng chỉ đáp ứng CĐR
2	SV học lại học phần	Nhà trường tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm. Đối với các lớp sĩ số ít nhà trường mở	SV có thể đăng ký học các học phần để cải thiện điểm hoặc học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp

		các lớp ôn tập để SV có thể đăng ký	
3	SV không nắm được thông tin đăng ký tín chỉ	Nhà trường chủ động thông báo SV kế hoạch đăng ký tín chỉ trên phần mềm quản lý đào tạo và website, facebook	SV nắm bắt thông tin kịp thời. Trên 95% SV hoàn thành đăng ký tín chỉ trong đợt đầu tiên

2. Điểm mạnh

- Hầu hết sinh viên ngành Giáo dục thể chất luôn có ý thức học tập tốt. Đội ngũ giảng viên của Khoa, đặc biệt là các Cố vấn học tập, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của sinh viên, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp sinh viên hoàn thành CTĐT.

- Về phía Nhà trường, Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo Đại học kịp thời thông báo tới những sinh viên bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học… để sinh viên nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

- Một số sinh viên còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

- Việc trả nợ một số học phần gặp khó khăn vì số lượng SV đăng ký học phần ít không đủ mở lớp dẫn đến việc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học của SV.

- Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành Giáo dục thể chất (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành học Giáo dục thể chất đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên sinh viên e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban Chủ nhiệm Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên chủ động với kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của sinh viên được đảm bảo đúng tiến độ. Đồng thời, với CĐR môn ngoại ngữ và tin học áp dụng từ khóa 40 trở đi, Khoa sẽ kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và

tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong các khâu quan trọng đánh giá chất lượng của CTĐT. Vì vậy, từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp **[H11.11.03.01]**. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn **[H11.11.03.02]**. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị có chức năng hỗ trợ và tư vấn về việc làm cho sinh viên và quản lý thông tin về việc làm của sinh viên tốt nghiệp **[H11.11.03.02]**.

Thông tin về việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp từ năm 2015 được Nhà trường thực hiện khảo sát và dữ liệu được lưu trữ tại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp **[H11.11.03.03]**, **[H11.11.03.04]**. Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đều tổng hợp kết quả gửi về các Khoa. Theo tổng hợp khảo sát của Nhà trường về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên ngành Giáo dục thể chất tốt nghiệp năm 2015 có việc làm là 93% và đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2016, tỷ lệ có việc làm là 93,42% **[H11.11.03.05]**. Điều này cho thấy, sinh viên ngành Giáo dục thể chất có việc làm với tỷ lệ ở mức cao. Trong những năm gần đây, Nhà trường tổ chức "Ngày hội việc làm" với sự tham gia của các nhà tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên đã tốt nghiệp và sắp tốt nghiệp tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp **[H11.11.03.06]**.

Không những giám sát tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm, Nhà trường còn quan tâm đến ý kiến và sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học đã tốt nghiệp. Cụ thể là, Nhà trường đã có kế hoạch và ký hợp đồng khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo và năng lực của cựu sinh viên và lấy ý kiến của cựu sinh viên tốt nghiệp khối ngành sư phạm về CTĐT **[H11.11.03.07]**, **[H11.11.03.08]**. Các kết quả nhận được từ việc khảo sát các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của cựu sinh viên là rất tích cực **[H11.11.03.09]**.

2. Điểm mạnh

- Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục thể chất đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường đại học, cao đẳng,… hoặc tiếp tục học tập bậc Sau đại học.

- Mặt khác, nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng sinh viên của Khoa. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều sinh viên sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- Có một tỷ lệ nhất định sinh viên ngành Giáo dục thể chất làm trái nghề sau khi tốt nghiệp.

- Một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Để sinh viên Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng khi ra trường làm đúng ngành đúng nghề đã được đào tạo, từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng sẽ đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về ngành Giáo dục thể chất và CTĐT đối với xã hội.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, GV Khoa GDTC-QP không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo mà còn tích cực tham gia hướng dẫn SV NCKH. Các đề tài NCKH được giao cho sinh viên và triển khai thực hiện từ đầu mỗi năm học với sự hỗ trợ kinh phí từ Nhà trường **[H11.11.04.01]**. Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế là đơn vị triển khai và giám sát tình hình thực hiện đề tài NCKH sinh viên hàng năm **[H11.11.04.02]**. Theo định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ thông báo đến toàn bộ SV các khoa về kế hoạch đăng ký đề

tài NCKH SV. Qua đó, những công trình NCKH xuất sắc được tham gia Hội nghị khoa học cấp Trường và được Nhà trường khen thưởng SV đạt giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường" **[H11.11.04.03]**.

Hằng năm, Khoa tổ chức hội đồng nghiệm thu đề đánh giá kết quả thực hiện của các đề tài NCKH SV. Thông qua đó, Khoa lựa chọn các đề tài xuất sắc để gửi dự thi cấp Trường và định hướng cho hoạt động NCKH của SV năm tiếp theo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa. Trong 5 năm qua, số lượng SV tham gia NCKH ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên của Trường **[H11.11.04.05]**. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các sinh viên đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH sinh viên.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV.

- Giảng viên trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH.

- Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

3. Điểm tồn tại

- Một số sinh viên còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

- Tỷ lệ sinh viên tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm, do một số yếu tố như sinh viên bận kế hoạch cá nhân, sinh viên chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu vẫn còn hạn chế,...

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia,

đồng thời cũng khuyến khích các đề tài tự giác không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong sinh viên. Đặc biệt, Khoa sẽ có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các bài giảng đại chúng và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong sinh viên.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT. Trường ĐHQN nói chung và Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng nói riêng rất chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, mà một căn cứ quan trọng là việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT **[H11.11.05.01]**, **[H11.11.05.02]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp **[H11.11.05.03]**. Nhà trường sử dụng phần mềm Esurvey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan có hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy. Mỗi SV có một tài khoản cá nhân để đăng nhập và trả lời khảo sát. Việc khảo sát được tiến hành với nhiều hình thức và nội dung khác nhau.

- *Đối với giảng viên:* GV và chuyên viên của Khoa được mời dự các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho SV và GV **[H11.11.05.04]**.

- *Đối với người học:* Việc khảo sát được thực hiện dựa trên quy định của Nhà trường về việc người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV **[H11.11.05.05]**. Hàng năm, Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của

người học về hoạt động giảng dạy **[H11.11.05.06]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV theo từng học kỳ bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Nội dung khảo sát gồm có 2 phần: trắc nghiệm và nêu ý kiến. Phần trắc nghiệm là các câu hỏi xoay quanh hoạt động giảng dạy của GV trong đó có các nội dung đánh giá về phương pháp giảng dạy của GV; khả năng khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học; sự công bằng của GV trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của người học; năng lực tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập và nghiên cứu của người học; tạo ra môi trường học tập tích cực,… Phần nêu ý kiến là câu hỏi mở để người học có thể bày tỏ cụ thể các ý kiến khác nhằm góp ý cho GV cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy. Sinh viên năm cuối của ngành đào tạo cũng được khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, chất lượng ngành học **[H11.11.05.07]**.

- *Đối với cựu sinh viên:* Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về CTĐT **[H11.11.05.08]**, **[H11.11.05.09]**. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu sinh viên ngành GDTC có sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo.

- *Đối với thị trường lao động:* Tại Khoa GDTC-QP, việc thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động được thực hiện theo quy định của Nhà trường. Từ kết quả khảo sát việc làm của cựu sinh viên, Khoa đã gửi bảng hỏi đến các đơn vị đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm đào tạo của Khoa để lấy ý kiến đóng góp xây dựng CĐR chương trình giáo dục đại học ngành Giáo dục thể chất **[H11.11.05.10]**.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy **[H11.11.05.11]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR và cử cán bộ giảng viên tham gia khóa tập huấn **[H11.11.05.12]**. Đồng thời, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập **[H11.11.05.13]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Giáo dục thể chất được các bên liên quan đánh giá cao. Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho sinh viên có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, sinh viên của Khoa còn được giới thiệu đến các trung tâm thực hành, trường học để thực tập và làm quen với môi

trường công việc. Những kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ mà sinh viên được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Điểm hạn chế của sinh viên ngành Giáo dục thể chất khi tốt nghiệp là khả năng tiếng Anh còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, số đông còn nhút nhát, thiếu tự tin mặc dù năng lực và nhiệt huyết có đủ. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của sinh viên khi tham gia công việc thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 20209 - 2021, Khoa GDTC-QP phối hợp với Phòng KT&ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hằng năm. Khoa GDTC-QP tăng cường khuyến khích sinh viên học tiếng Anh, đọc dịch tài liệu bằng tiếng Anh qua các buổi ngoại khóa, NCKH hay báo cáo khóa luận tốt nghiệp. Điều này sẽ giúp sinh viên củng cố kiến thức và có môi trường học tập. Ngoài ra, Khoa GDTC-QP tăng cường kết hợp với Đoàn – Hội tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Đánh giá chung, sinh viên ngành Giáo dục thể chất có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Sinh viên nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm,… cho sinh viên để người học đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Giáo dục thể chất đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt mức 4/7 và 1 tiêu chí đạt mức 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC dựa trên các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhận diện thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH; qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt tồn tại trong công tác quản lý, hoạt động đào tạo, chuyên môn của Khoa GDTC-QP... Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT trong quá trình hoạt động của mình.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC:

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa GDTC-QP đã xây dựng CTĐT ngành GDTC dựa trên các triết lí giáo dục hiện đại, có tham khảo nội dung các CTĐT của Khoa GDTC của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, và một số trường uy tín trong nước, cũng như qua kết quả điều tra nhu cầu và ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục Đại học (GDĐH) quy định tại Luật GDĐH.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt với các mức năng lực cụ thể, dễ đo lường và đánh giá mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành GDTC phản ánh yêu cầu đào tạo GV GDTC bậc THPT theo quy định; được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN và dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo sự thuận lợi trong tiếp cận, nắm bắt đối với sinh viên, cố vấn học tập và các bên liên quan.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

CTĐT ngành GDTC đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cơ hội học tập và phát triển học vấn cho người học. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; thể hiện rõ ma trận CĐR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát

triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành GDTC. Các thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá được cung cấp đầy đủ để sinh viên lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập theo từng học kỳ, năm học và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến, để trên cơ sở thông tin phản hồi tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

1.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học ngành GDTC được thiết kế khoa học, dựa trên CĐR và đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. CTDH ngành GDTC được cấu trúc theo hệ thống, bảo đảm trình tự logic đi từ kiến thức cơ bản chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Tất cả các học phần trong chương trình dạy học đều được thiết kế bám sát CĐR của CTĐT. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với thực hành; có sự tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Nội dung CTDH cũng luôn được cập nhật dựa trên ý kiến phản hồi của SV và cựu SV, của GV trực tiếp giảng dạy và các bên liên quan khác.

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện học phần học trước; thể hiện rõ ràng về mục tiêu cần đạt theo CĐR của học phần và CĐR của CTĐT; có nêu rõ phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác. Các học phần đều được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết, thực hành, thảo luận và tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận, lĩnh hội kiến thức đầy đủ, dễ dàng và đạt được mục tiêu CĐR của học phần yêu cầu. Nội dung các học phần được cập nhật, tích hợp, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành GDTC được xác định phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học là giáo dục toàn diện cho người học; mục tiêu CTĐT nhằm trang bị cho người học khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề... Mục tiêu giáo dục ngành GDTC được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, cộng đồng và

xã hội thông qua nhiều kênh khác nhau: bản mô tả CTĐT, website chính thức của Khoa, các hoạt động ngoại khóa, hội thảo,...

Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CĐR. Các hoạt động dạy và học đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, thường xuyên được cập nhật, giúp người học lĩnh hội kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu CĐR của CTĐT, tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành GDTC được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT; có các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng. Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng theo các mức đánh giá biết, hiểu, vận dụng, phân tích,…; các học phần thực tập tại trường THPT có thêm sự đánh giá của giáo viên phổ thông về thái độ, kỹ năng nghề nghiệp…

Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

1.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa GDTC-QP đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết, sẵn sàng thực hiện và đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH. Tỷ lệ người học/giảng viên thấp so với quy định; khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng, hợp lý và được giám sát, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa GDTC-QP theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định

mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV GDTC đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian và cả kinh phí. Khoa GDTC có tỉ lệ GV có học hàm, học vị PGS, TS khá cao; có năng lực NCKH tốt. Hằng năm, đa số giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên được Nhà trường triển khai sâu rộng, tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều giảng viên của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, bằng khen cấp Tỉnh, cấp Bộ, giấy khen của Hiệu trưởng... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Đội ngũ giảng viên Khoa GDTC-QP tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp: cấp cơ sở, cấp Tỉnh; công bố nhiều bài báo khoa học, giáo trình, trong đó phần lớn các bài báo được đăng tải trên các tập chí chuyên ngành có uy tín được Hội đồng chức danh nhà nước tính điểm. Một số giảng viên có thành tích NCKH xuất sắc được tỉnh Bình Định vinh danh "Trí thức tiêu biểu về Khoa học và Công nghệ".

1.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa GDTC-QP có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường, của Khoa được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp quy định và được công khai, minh bạch.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa GDTC-QP được xác định rõ ràng, cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên website của Trường, của Khoa và một số địa chỉ khác. Người học có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, giúp người học xác định ý thức, động lực học tập ngay từ năm thứ nhất.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật và được đánh giá khách quan, chính xác. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa…, và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Khối lượng học tập được sắp xếp thành các khối kiến thức, giúp người học có cơ hội lựa chọn môn học phù hợp và thuận lợi trong việc giám sát, đánh giá kết quả học tập.

Người học được hỗ trợ và tư vấn kịp thời trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập sư phạm. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

Cơ sở vật chất của Trường đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học. Môi trường nhà trường, xã hội an toàn, an ninh trật tự; cảnh quan khuôn viên trường xanh - sach - đẹp, tạo môi trường học tập, sinh hoạt tích cực, lành mạnh, giúp người học phát huy tính năng động và sáng tạo, rèn luyện kỹ năng mềm trong học tập và cuộc sống, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên ngành GDTC và thuận lợi cho giảng viên và sinh viên trong trường rèn luyện sức khỏe; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT có lối đi riêng cho người khuyết tật. Thư viện của Trường đã tham gia vào hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử. Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

Các phòng thực hành tin học, thực hành sư phạm với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho hoạt động thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của giảng viên và sinh

viên; các thiết bị thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học. Nhà trường đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, phun thuốc diệt côn trùng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho giảng viên, viên chức và sinh viên làm việc, học tập và nghiên cứu.

1.10. Về nâng cao chất lượng

Khoa GDTC-QP thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT, nơi có nhiều cựu sinh viên của Khoa công tác. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên có liên quan. CTĐT/ chương trình dạy học ngành GDTC được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xã hội. Nhiều giảng viên, cựu sinh viên theo học các chương trình tiên tiến của nước ngoài và có kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp đã tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, thiết kế CTĐT.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Qua tham gia NCKH, sinh viên hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và giảng dạy GDTC ở trường phổ thông sau này.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH và hỗ trợ các hoạt động khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online; cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến thường xuyên, liên tục các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

1.11. Về kết quả đầu ra

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại, đầy đủ các tiện ích giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để kịp thời nhắc nhở tình hình, kế hoạch, tiến độ học tập của SV, hỗ trợ SV, nhất là những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập, trong việc lựa chọn các môn học chuyển đổi, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp để SV được hoàn thành CTĐT.

Nhà trường có đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Công tác khảo sát việc làm của SV được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy, góp phần điều chỉnh, cập nhật CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành GDTC đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp: giảng dạy ở các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng hoặc tiếp tục học sau đại học. Nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời sinh viên của Khoa tham gia tuyển dụng, tạo cơ hội cho sinh viên sớm tìm được việc làm.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và thành quả trong nghiên cứu. Do đó có điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH. Hằng năm Khoa luôn khuyến khích sinh viên tham gia NCKH và có các hoạt động hỗ trợ như tư vấn, tăng kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư có trọng điểm các đề tài được đánh giá cao…

CĐR của CTĐT ngành GDTC được các bên liên quan đánh giá cao. Những kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ được trang bị cho sinh viên có thể đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và yêu cầu của xã hội hiện nay.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC còn chậm được đổi mới, cập nhật để phù hợp với các quy định mới, các yêu cầu mới về nội dung và phương pháp dạy học. Khoa chưa xây dựng được quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CĐR của CTĐT; việc

lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến CĐR còn chưa rộng rãi; chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR dành cho sinh viên sau mỗi năm học/khóa học.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật theo định kỳ dựa trên kết quả lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan trên quy mô rộng; chưa kịp thời cập nhật chương trình giáo dục phổ thông mới.

CĐR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

Việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, các đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa phong phú. Điều này có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của Khoa GDTC-QP.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được xây dựng bám sát CĐR nhưng chưa được cập nhật thường xuyên dựa trên ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động. Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc đề cương chi tiết học phần trong CTĐT. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu sinh viên, ... đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Chất lượng đầu vào không đồng đều là một rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Nhiều môn học chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của sinh viên trong quá trình tương tác với giảng viên; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất.

Hoạt động NCKH chưa thu hút được nhiều SV cùng tham gia do kinh phí còn hạn chế.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa có sự thống kê phân tích định lượng các đề thi theo các mức độ năng lực để phân loại, đánh giá kết quả học tập của sinh viên có độ tin cậy, chính xác. CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá qua 10% điểm chuyên cần.

Việc phối hợp các kênh triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thật sự đồng bộ. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV còn thiên về tiếp cận nội dung, kiến thức, chưa chú trọng tiếp cận năng lực. Số lượng các học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa nhiều. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi các học phần.

Việc công bố điểm cuối kỳ cho sinh viên đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký môn học, kế hoạch học tập của sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Việc quản trị theo kết quả NCKH của GV chưa được định lượng rõ ràng, dẫn đến việc khen thưởng đôi khi chưa được thỏa đáng đối với các GV có nhiều thành tích, đóng góp. Các đề tài nghiên cứu có tính liên ngành còn ít. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế. Trình độ tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều, năng lực giảng dạy, nghiên cứu của đội ngũ giảng viên trẻ còn hạn chế.

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

Việc điều tra, phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên chưa được thực hiện đầy đủ, toàn diện. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, khóa học ngoại ngữ cho GV, chuyên viên chưa phù hợp; chưa triển khai một số khóa học theo nhu cầu của GV.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân

viên. Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để tuyển dụng và sử dụng một cách hợp lý.

Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Các đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường tổ chức để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa phong phú và thường xuyên. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lương công viêc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên chưa thực sự hiệu quả. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức, xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm được thực hiện nghiêm túc nhưng vẫn chưa tạo động lực, phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực và yêu thích ngành GDTC vào học tại Khoa; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành GDTC yêu cầu ngày càng nâng cao, dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất, làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học. Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Sinh viên chưa chủ động trong việc tiếp cận giảng viên để làm NCKH và làm khóa luận tốt nghiệp, thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Một số giảng đường, phòng học trang bị bàn ghế, thiết bị dạy học chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Công tác liên kết, mở rộng quan

hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành GDTC chưa nhiều.

Các tổ bộ môn của Khoa GDTC-QP chưa được bố trí phòng làm việc, làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của giảng viên. Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên; Nhà trường chưa có phòng máy phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên. Chưa có một chính sách riêng quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Khoa còn thiếu sự chủ động trong việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi Trường đang thực hiện. Việc điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT dựa trên kết quả lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện thường xuyên; kế hoạch thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về cập nhật, phát triển CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

Việc lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được tiến hành đối với 100% học phần. Việc ý thức của sinh viên trong phản hồi ý kiến chưa cao; phần mềm khảo sát online còn nhiều hạn chế khi vận hành.

Phần lớn các đề tài NCKH sinh viên chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo kết quả mới. Các đề tài NCKH GV của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

2.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do sinh viên thôi học một cách hiệu quả. Một số sinh viên chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Một số SV bảo lưu kết quả học tập khi tiếp tục học lại đã gặp khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp (vì một số học phần thay đổi do cải tiến CTĐT các năm 2015, 2017) để đảm bảo đủ số lượng tín chỉ yêu cầu trong CTĐT.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành GDTC (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành học GDTC đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian

và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên sinh viên e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

Có một tỷ lệ nhất định sinh viên ngành GDTC làm trái nghề sau khi tốt nghiệp. Một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH vì chưa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với cải tiến chất lượng, kết quả học tập và nghề nghiệp tương lai. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa GDTC-QP và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 như sau:

3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

Tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) và nhất là phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông mới mà Bộ GD&ĐT vừa ban hành; rà soát toàn diện CĐR của CTĐT so với các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của sinh viên cần đạt được; đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

Tăng cường hơn nữa việc công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động, thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động trên hệ thống website, trang facebook Khoa GDTC-QP một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

3.2. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tổ chức thường xuyên và trên quy mô rộng việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường quốc tế về CTĐT và về chất lượng của sinh viên ra trường để kịp thời chỉnh sửa CTĐT phù hợp với xu thế mới; đẩy mạnh việc xuất bản và quảng bá bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan một cách bài bản hơn, chuyên nghiệp hơn. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự

hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành

Triển khai việc rà soát, viết lại đề cương chi tiết của một số học phần, phân bổ thời gian cho lý thuyết và thực hành; tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan một cách chuyên nghiệp và thường xuyên hơn để có thêm thông tin cho việc viết lại đề cương chi tiết học phần.

Tiếp tục kết hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Phòng Công tác chính trị và Sinh viên của Nhà trường mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu sinh viên và sinh viên năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành GDTC và quốc tế hóa CTĐT; tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

3.3. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu sinh viên,... kết hợp với tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành GDTC trong thời kì hội nhập.

Phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức một cách khoa học việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên cũng như cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục của ngành đào tạo của Khoa; chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở bậc phổ thông; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động bổ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí *"khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ*

năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,…" vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên.

Kiến nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR; Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi cho mỗi học phần, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá theo yếu tố, theo mức mức độ phù hợp với CĐR. Tăng số lượng học phần thi cuối kỳ theo trắc nghiệm khách quan; thực hiện đánh giá theo tiếp cận năng lực; ra đề thi theo hướng tăng cường tư duy, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề; khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ đề thi đáp ứng yêu cầu CĐR; thúc đẩy và cam kết việc chấm thi kết thúc học phần và công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn; yêu cầu CVHT công khai, phổ biến đến tận SV quy trình khiếu nại về kết quả học tập để SV tiếp cận, nắm bắt dễ dàng hơn.

Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

3.4. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa, tạo điều kiện thuận lợi để các GV, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ theo nhu cầu. Khuyến khích GV đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng và các đề tài gắn với hoạt động dạy và học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng, trong có sự hợp tác với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và các viện nghiên cứu uy tín, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Định kỳ hằng năm khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí thời gian hợp lý để GV tham gia vào các lớp học bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức và cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó triển khai đánh giá GV, nhân viên theo vị trí việc làm, kết quả công

việc để tăng cường động lực cho GV, nhân viên; đẩy mạnh sự kết nối, hợp tác trong NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao. Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

Khoa GDTC-QP thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức để đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

3.5. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi giảng viên trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về Khoa, ngành GDTC của Khoa. Từ đó người học, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành đào tạo của Khoa nhằm tạo ra một kênh truyền thông về Khoa từ người học; (3) Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực và đam mê TDTT vào học ngành GDTC.

Đề xuất điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào Khoa GDTC-QP một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

Thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đến người học; đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật được thông tin kịp thời. Tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, rèn luyện nghiệp vụ để giúp SV nâng cao kết quả học tập và rèn luyện; kết nối, nắm bắt nhu cầu của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng để giới thiệu cho SV tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập sư phạm để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

Phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Liên chi Hội sinh viên của Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn nhằm tạo động lực thúc đẩy sinh viên đam mê học tập và NCKH.

3.6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Đề nghị Nhà trường sớm cải tạo, nâng cấp các phòng học và trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng; bố trí thêm phòng làm việc và các trang thiết bị cho Khoa và các Tổ bộ môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

Cán bộ, giảng viên Khoa GDTC-QP triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học. Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành GDTC.

Đề nghị Nhà trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; phủ sóng wifi toàn bộ khuôn viên trường; sớm hoàn thiện đề án dạy học trực tuyến. Sau khi có quy hoạch tổng thể, Nhà trường đầu tư trồng các loại cây xanh; triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP triển khai cho các tổ bộ môn biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng. Ngoài ra, Khoa cũng tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình.

Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP tổ chức lấy ý kiến phản hồi rộng rãi của các bên liên quan về sự tương thích và mức độ phù hợp giữa CĐR của CTĐT và yêu cầu nghề nghiệp thực tế. Khoa chủ động trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và môi trường nghề nghiệp.

Khoa GDTC-QP chỉ đạo Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên, tìm hiểu lý do thôi học của sinh viên để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho sinh viên khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ

học tập của sinh viên, qua đó nhắc nhở sinh viên hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Khoa cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của sinh viên được đảm bảo đúng tiến độ; kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

Hơn nữa, từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện phần mềm khảo sát ý kiến sinh viên; Các cố vấn học tập các lớp, Phòng Công tác chính trị và Sinh viên tăng cường việc nâng cao ý thức của sinh viên trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về ngành GDTC và CTĐT đối với xã hội.

Khoa tăng cường các đề tài NCKH gắn với CTĐT ngành GDTC, chú trọng áp dụng các kết quả NCKH vào cải tiến dạy học; tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn, đặc biệt là các giảng viên trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CĐR.

Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của Khoa; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong sinh viên; có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các seminar khoa học góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong sinh viên.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH GDTC

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Giáo dục thể chất

Mã CTĐT: 7140206

Bảng 4.1 *Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục thể chất*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.6	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3					5					

Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,57	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,8	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4.4	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,2	5	100
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					

Tiêu chí 9.5						6				
Tiêu chuẩn 10								4.33	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4.2	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.62	50	100

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 056.3846156 Số fax: 0563846089
7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG

Tiếng Anh: PHYSICAL EDUCATION – NATIONAL DEFENCE DEPARTMENT

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KHOA GDTC - QP

Tiếng Anh: PHYSICAL EDUCATION – NATIONAL DEFENCE DEPARTMENT

14. Tên trước đây (nếu có): KHOA THỂ DỤC THỂ THAO
15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Giáo dục thể chất

- Tiếng Anh: Physical education

16. Mã CTĐT: 7140206
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Sư phạm Thể dục thể thao
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
19. Số điện thoại liên hệ: 02563647570 Số fax:
20. E-mail: kgdtc@qnu.edu.vn Website: http://www.kgdtcqp.qnu.edu.vn
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

- Khoa Thể dục thể thao năm 2005 (theo Quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB của Trường Đại học Quy Nhơn).

- Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng năm 2010 (theo Quyết định số 86/QĐ- Đại học Quy Nhơn)

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về Khoa GDTC-QP

24. Lịch sử phát triển

Năm 1977, hai năm sau ngày thống nhất đất nước, cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập (theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng giáo viên THPT cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ Thể dục tiền thân của Khoa GDTC-QP hiện nay được thành lập năm 1977 và thuộc Khoa Toán, một trong 5 khoa đầu tiên của Trường lúc bấy giờ. Tổ Thể dục giảng dạy cho sinh viên (SV) những kiến thức về GDTC.

Ngày 25 tháng 7 năm 2005, trường Đại học Quy Nhơn ra quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB thành lập Khoa Thể dục Thể thao thuộc trường Đại học Quy Nhơn trên cơ sở sát nhập hai Bộ môn: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Đây là dấu mốc quan trọng cho quá trình phát triển của ngành Giáo dục thể chất, Giáo dục thể chất – Quốc phòng. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, theo quyết định số 86/QĐ- Đại học Quy Nhơn đổi tên Khoa Thể dục Thể thao thành Khoa GDTC – QP trường Đại học Quy Nhơn.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Nhà trường, Khoa GDTC-QP ngày càng trưởng thành, vững mạnh và là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài; là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành GDTC có uy tín khu vực Nam

Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước; là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Phát triển và hội nhập, đó là những điều mà Khoa GDTC-QP đã, đang hàng ngày, hàng giờ thực hiện và sẽ là mục tiêu lâu dài mà Khoa hướng tới. Sự phát triển đó trước hết là phát triển của đội ngũ cán bộ về cả trình độ, đạo đức và số lượng. Khoa GDTC-QP hiện nay có 24 cán bộ giảng viên, bao gồm 1 PGS.TS, 4 TS, 12 thạc sĩ, 5 cử nhân và 2 sĩ quan biệt phái. Trong số 12 Thạc sĩ có 2 đang học NCS trong nước. Khoảng 50% giảng viên có thâm niên công tác trên 15 năm và có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

Trong hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 4.500 cử nhân Sư phạm TDTT và cử nhân GDTC (hiện đang đào tạo), hơn 3.000 cử nhân GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức (đang đào tạo 150 sinh viên).

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 131 sinh viên GDTC hệ đại học chính quy, 200 học viên GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Từ năm 2005 đến nay, có hơn 85 bài báo khoa học cán bộ giảng viên của Khoa GDTC-QP đăng trên các tạp chí trong nước và Hội thảo quốc tế. Đặc biệt, trong 10 năm gần đây (2010-2020) có 10 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng Chức danh tính điểm.

Bên cạnh đó, Khoa đã đăng cai tổ chức thành công Hội thi Nghiệp vụ - Văn hóa – Thể thao toàn quốc 2005, Giải Bóng bàn người giáo viên nhân dân năm 2016... Trong các kỳ thi Đại hội TDTT, các giải Thể thao tỉnh Bình Định và toàn quốc, đội tuyển TDTT sinh viên Khoa GDTC đã đạt được nhiều thành tích như Nhì toàn đoàn Đại hội TDTT tỉnh Bình Định lần thứ 5 (2006); Giải nhì Bóng chuyền sinh viên toàn quốc năm 2006; Giải ba toàn đoàn Điền kinh-Quốc phòng tại Huế năm 2009; Giải nhất bóng đá, bóng chuyền khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Giải nhất Bóng đá đại hội TDTT tỉnh Bình định năm 2005. Đặc biệt, tại các kỳ SEA GAME sinh viên của Khoa tham gia thi đấu đạt thành tích cao như: Lê Minh Tùng giành huy chương bạc hạng cân 51 kg tại SEA Games 23 năm 2005, tại SEA Games 30 năm 2019, sinh viên Phạm Thị Hồng Lệ của Khoa GDTC-QP giành huy chương đồng ở nội dung marathon- 42 km, huy chương bạc cự ly 10.000m.

Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa GDTC-QP

- Niều năm Khoa GDTC-QP đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc.

- Nhiều bằng khen của các cá nhân và tập thể Khoa các cấp: Bộ, Tỉnh.
- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa GDTC-QP

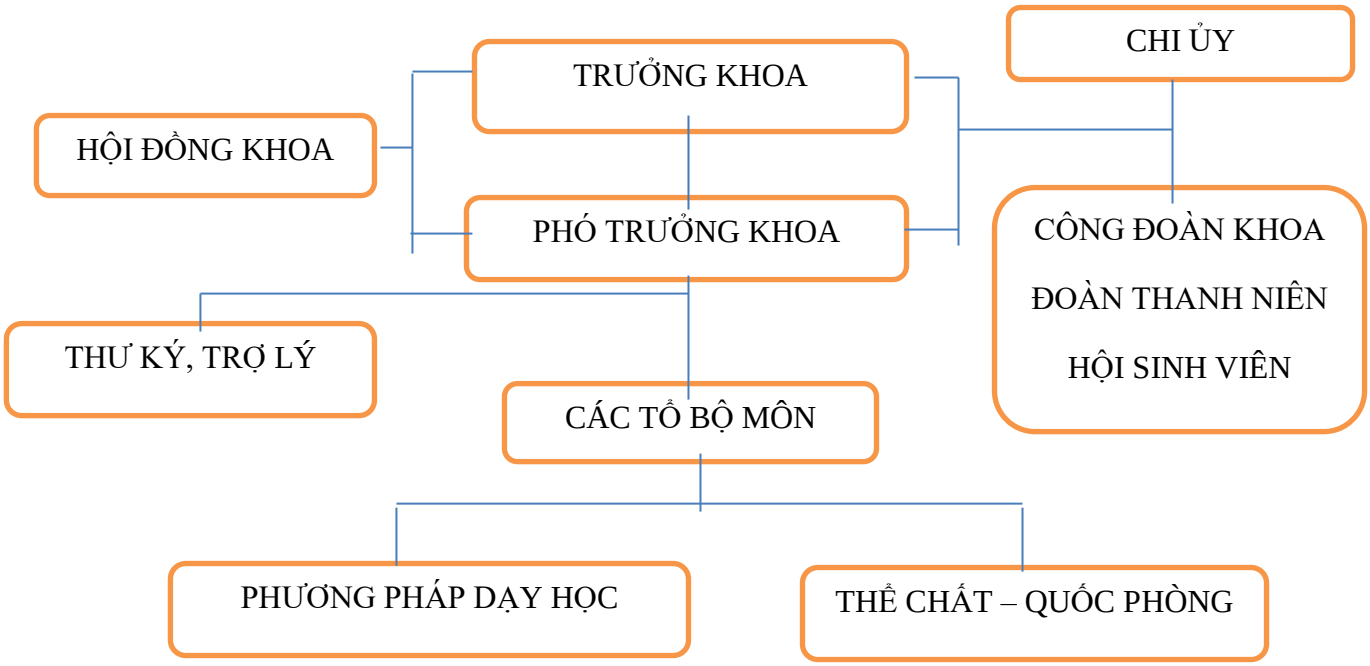

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhhien@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Sỹ Đức	1983	TS	0938020909	nguyensyduc@qnu.edu.vn
2	Phó Trưởng Khoa	Mai Thế Anh	1976	TS	0983098315	maitheanh@qnu.edu.vn
3	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Thanh Hùng	1970	TS	0919488938	nguyenthanhhung@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi bộ	Nguyễn Thanh Hùng	1970	TS, Bí thư	0919488938	nguyenthanhhung@qnu.edu.vn
2	Công đoàn	Lê Minh Tú	1982	ThS. Chủ tịch	0366897096	leminhtu@gmail.com
2	Liên Chi đoàn	Trương Quốc Duy	1986	ThS, Bí thư	0973709485	truongquocduy86@gmail.com
3	Hội sinh viên	Hồ Ngọc Cường	1990	ThS, Chủ tịch	0976991892	ngocuondk@gmail.com
III. Các phòng, ban						
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí và Bảo đảm	Nguyễn Hữu Tiến	1962	GVC.ThS Trưởng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn

	chất lượng			phòng		
3	Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị - Sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1975	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh		ThS Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS. Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS. Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang		Trưởng phòng		hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
12	Trung tâm Công nghệ thông tin và	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS, Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn

	Truyền thông					
13	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
14	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Thể chất – Quốc phòng	Nguyễn Sỹ Đức	1983	TS, TBM	0938020909	nguyensyduc@qnu.edu.vn
2	Phương pháp dạy học	Nguyễn Ngọc Sơn	1963	PGS.TS, TBM	0905792386	nguyenngocson.qn@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa GDTC-QP

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	15	01	16
I.1	Cán bộ trong biên chế	15	01	16
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số			16

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	1	0	1	0	
3	Tiến sĩ	4	4	0	3	0	
4	Thạc sĩ	11	11	0	0	0	
5	Đại học	0	0	0	0		
	Tổng số	16	16	0	4	0	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 16 người

Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	1	1	0	1	0	3,9
3	Tiến sĩ	2,0	4	4	0	3	0	9,8
4	Thạc sĩ	1,0	11	11	0	0	0	11
5	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		16					24,7

Cách tính: cột 9 = cột 3*(cột 5 + cột 6 +0,3*cột 7 +0,2* cột 8)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0			0		
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	6,7	1	0		0	0	1	
3	Tiến sĩ	4	26,7	4	0	0	1	3	0	0
4	Thạc sĩ	11	66,6	10	1	0	9	2	0	
5	Đại học	0	0	0	0				0	
	Tổng số	16		15	1	0	10	5	1	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,66

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 05/16=31.25%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11/16= 68.75%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15%	50%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	40%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	5%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	25%	5%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10%	0%
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	112	30	3.73	30	20.75	23.75	0
2016-2017	120	38	3.16	35	23.75	25.9	0
2017-2018	115	33	3.48	29	18.5	20.7	01
2018-2019	55	19	2.89	15	20	21.9	0
2019-2020	78	12	6.50	12	18	24.3	01

36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	211	170	147	101	99
Hệ không chính quy	64	69	23	23	179
4. SV cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác…					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)			1		1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học			3.45%		8.33%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m2)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	4	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV			2,76%		

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	73	72	63	40	28
Hệ không chính quy	90	26	35	0	22
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác…					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số lượng người học tốt nghiệp	73	72	63	40	28
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	81.1	88.9	92.6	85.1	93.3
3	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời					

	đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4	4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.			15.87	17.5	28.57
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			33.33	25.0	50.0
	4.3. Thu nhập bình	3.9 triệu	3.9 triệu	3.9	3.9 triệu	4.2 triệu

	quân/tháng của người học có việc làm.			triệu		
	5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					7.14
	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					71.43
	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					3.57

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0		1		1
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	1	2	2	1	3,5
	Tổng							4,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 8

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4,5/17=0,281

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
5	2018			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			15	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia			15	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	1		1	1	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng							4,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 4,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/16 ~ 0,3

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

o	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	9		

Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	9		

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	1	0	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	3	1	6	12
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	1	0	3	2	3,0
	Tổng			2	3	5	8	16,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 16,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16,5/16 ~ 1,03

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	1	11	6
Từ 6 đến 10 bài			
Từ 11 đến 15 bài			
Trên 15 bài			
Tổng	1	11	6

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	2	0	2	4
2	Hội thảo trong nước	0,5		1	0	0	1	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	Tổng		0	1	2		3	5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 5.0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.0/16 ~ 0,3125

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	2	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	2	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	1	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 240.112 m2.

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m2.

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

Nơi làm việc: 6.855 m2, Nơi học: 36.416 m2, Nơi vui chơi giải trí: 18.905m2.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m2):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m2
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,8 m2/người

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 1.890

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 50.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5
- Dùng cho người học tập: 580

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 16

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 16/16 = 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5/16 =31.25%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11/16=68.75%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 121

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 121/16=7.56

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 93,3%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 28.57%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 50.0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 4.2 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 7.14%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 71.43%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/16 ~ 0,28

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1/16 ~ 6,25%

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16,5/16 ~ 1,03

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,0/16 ~ 0,3125

7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 3 m2/người học.

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** Số: 1223/KH-ĐHQN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Bình Định, ngày 24 tháng 6 năm 2020*

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Mục đích tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục thể chất nhằm giúp khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng (GDTC-QP) tự xem xét, đánh giá tình trạng chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục thể chất đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng; làm cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng, tiến tới xây dựng CTĐT tiên tiến cho ngành và đủ điều kiện mở chuyên ngành đào tạo vừa làm vừa học liên thông đại học và đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Giáo dục thể chất của khoa GDTC-QP theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2015-2020.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn kèm theo:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 v/v sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/ QLCL-KĐCLGD.

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục thể chất được thành lập theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 13 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn).

4.3. Phân công thực hiện:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin, minh chứng và viết BC TĐG	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 1	13/7/2020 – 20/9/2020	
2	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
3	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			
4	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Nhóm 2	13/7/2020 – 20/9/2020	

5	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
6	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
7	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 3	13/7/2020 – 20/9/2020	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
10	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 4	13/7/2020 – 20/9/2020	
11	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 6, 7, 11	Thu thập minh chứng	Phòng TC-NS, Phòng KHCN&HTQT, Phòng KT&BĐCL, Phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHDN, giảng viên, cựu sinh viên, nhân viên các phòng ban, các khoa và sinh viên khoa	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Đội ngũ nhân viên	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		

4

		Đánh giá Kết quả đầu ra	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
2	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Thu thập minh chứng	Phòng HC-TH, Phòng ĐTĐH, Thư viện, Trung tâm CNTT&TT, Phòng KT&BĐCL, CTĐT của các khoa, trường trong và ngoài tỉnh, giảng viên, cựu sinh viên, các trường phổ thông, các Sở ban ngành.	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Hội đồng Khoa, Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Mô tả CTĐT	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
3	Tiêu chuẩn 5, 8, 9	Thu thập minh chứng	Phòng ĐTĐH, phòng KT&BĐCL, phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHDN, phòng CSVC, phòng HC-TH, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trung tâm CNTT&TT,	13/7/2020 – 23/8/2020	

5

			giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các trường phổ thông và các Sở ban ngành		
		Đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
4	Tiêu chuẩn 4, 10	Thu thập minh chứng	Phòng ĐTĐH, Phòng KT&ĐBCL, Phòng HC-TH, Phòng KHCN&HTQT, Phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHDN, Ban tuyển sinh trường, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên, các trường phổ thông và các Sở ban ngành.	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Nâng cao chất lượng đào tạo	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	

6

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

6.1. Các CTĐT ngành Giáo dục thể chất của các trường, khoa trong và ngoài nước.

6.2. Kế hoạch, số liệu tuyển dụng, hồ sơ đánh giá năng lực cựu sinh viên từ các trường phổ thông, Sở ban ngành trong khu vực và cả nước.

6.3. Phỏng vấn lãnh đạo các trường phổ thông, Sở ban ngành, cựu sinh viên.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia về kiểm định chương trình tư vấn, tập huấn về quy trình, góp ý, chỉnh sửa.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT khoảng 06 tháng, theo lịch trình cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
15/6 - 12/7/2020	1. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cho Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT. 2. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 3. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 4. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của Trường, Khoa); • Trình Hiệu trưởng phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
13/7-23/8/2020	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.

	2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
24/8-20/9/2020	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
21/9-27/9/2020	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
28/9-11/10/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
12/10-28/10/2020	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
29/10-05/11/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét, phê duyệt.

06/11-15/11/2020	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TDG CTĐT ngành GDTC. 2. Trường, Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị cho việc thẩm định báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài. 3. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục những điểm còn tồn tại đã được xác định trong Báo cáo tự đánh giá.

Nơi nhận:
- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDTC;
- Phòng KT&BĐCL;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng website Trường, Khoa GDTC-QP;
- Lưu: VT, VP. Khoa GDTC-QP.

KT. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Hiển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Số: 945/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 11 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trưởng khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Thể chất* gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Thể chất* theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng, các Trưởng đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.GDTC-QP, KTBĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc	Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình	Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Sỹ	Đức	TS, Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Ngọc	Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn Khoa GDTC-QP	Thư ký
5	Ông Nguyễn Quang	Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên
6	Ông Lê Xuân	Vinh	TS, TP. ĐTĐH	Thành viên
7	Ông Nguyễn Hữu	Tiến	ThS, TP. KT&BĐCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Thanh	Hùng	TS, Phó Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Thành viên
9	Ông Mai Thế	Anh	ThS, Phó Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Thành viên
10	Ông Lê Minh	Tú	ThS, Chủ tịch Công đoàn Khoa GDTC-QP	Thành viên
11	Ông Trương Quốc	Duy	ThS, Bí thư liên chi Đoàn TN Khoa GDTC-QP	Thành viên
12	Ông Bùi Văn	Kiên	ThS, GV Khoa GDTC-QP	Thành viên
13	Ông Lê Hữu	Đang	Sinh viên K.40 K.GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người).

3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc	Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn, Khoa GDTC-QP	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Hoàng Ngọc	Anh	ThS, PTP. P. KT&BĐCL	Thành viên hỗ trợ
3	Ông Mai Thế	Anh	ThS, Phó Trưởng khoa, Khoa GDTC-QP	Thành viên
4	Bà Lê Thu	Hải	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thành viên
5	Bà Huỳnh Hà Phương	Linh	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh	Ngọc	Giảng viên K. GDTC-QP	Thành viên
7	Ông Lê Minh	Tú	Giảng viên K. GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	1. Ông Nguyễn Sỹ	Đức	TS, Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Bà Lê Thu	Hải	Chuyên viên K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Bùi Văn	Kiên	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Bùi Trọng	Duy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Trương Quốc	Duy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Lê Tứ	Trụ	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 2	1. Ông Nguyễn Thanh	Hùng	TS, Phó Trưởng khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Bà Huỳnh Hà Phương	Linh	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Ngọc	Châu	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Nguyễn Xuân	Quắc	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Nguyễn Trọng	Thủy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Lê Anh	Tuấn	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 3	1. Ông Mai Thế	Anh	ThS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Ông Lê Minh	Tú	ThS, GV K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Hồ Ngọc	Cường	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Hồ Minh Mộng	Hùng	TS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Thái Bình	Thuận	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Vũ Đức	Luân	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 4	1. Ông Nguyễn Ngọc	Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	2. Ông Nguyễn Thanh	Ngọc	ThS, GV K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Trương Hồng	Long	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Nguyễn Văn	Toàn	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Bà Hoàng Thị	Thủy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người).

K. CĐR-ĐB.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Số: 1869 /QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 01 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất;

Căn cứ Tờ trình số 40/TTr ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Trưởng khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng về việc thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất như sau:

Ông Trương Quốc Duy (GV Khoa GDTC-QP) được điều chuyển từ nhóm công tác số 1 sang nhóm công tác số 4 thay cho ông Nguyễn Thanh Ngọc (GV Khoa GDTC-QP) với nhiệm vụ là Thư ký nhóm chuyên trách số 4 và là thành viên của Ban Thư ký.

Điều 2. Ông Trương Quốc Duy thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng nhóm, Trưởng Ban Thư ký và Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Giáo dục Thể chất - Quốc Phòng và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.GDTC-QP, KTBĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền